



# Đất tốt - Cây tốt CHO QUẢ NGỌT...

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **2017**



# NỘI DUNG

## **GIỚI THIỆU**

- 06 Thông điệp Chủ tịch HĐQT
- 10 Cơ cấu Tập đoàn
- 11 Tầm nhìn & Sứ mệnh
- 12 Tổng quan - Chúng tôi là ai?
- 14 Hội đồng Quản trị
- 18 Ban Kiểm soát
- 20 Ban Điều hành

## **BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC**

- 24 Các chỉ số hoạt động chính
- 26 Thông điệp của Tổng Giám đốc Điều hành
- 30 Đánh giá của Phó Tổng Giám đốc Tài chính
- 34 Chiến lược Tập đoàn
- 36 Chiến lược sản phẩm
- 38 Mô hình kinh doanh
- 42 Chiến lược nền tảng

## **QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP**

- 46 Quản trị doanh nghiệp
- 48 Quản trị rủi ro
- 52 Báo cáo hợp HĐQT & Nghị quyết HĐQT

## **TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP**

- 56 Tầm nhìn
- 58 Cam kết

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

- 64 Thông tin chung
- 66 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- 67 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 68 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 71 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 72 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 74 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

# Vững vàng từ ... Sức mạnh nền tảng

Nâng tầm giá trị cốt lõi, nhạy bén áp dụng đường lối mới phù hợp với thực trạng là cách KDC định hướng cho sự tăng trưởng. Am hiểu thị trường và nhu cầu của khách hàng, danh mục sản phẩm đa dạng và thích hợp đã giúp Tập đoàn KIDO đạt được mức tăng trưởng cao hơn so với mục tiêu đặt ra.



PHỤC VỤ ĐỜI SỐNG  
HẰNG NGÀY CỦA

# 80.750.000

NGƯỜI TIÊU DÙNG TRÊN KHẮP VIỆT NAM



## THÔNG điệp CHỦ TỊCH HĐQT

**Để hiện thực hóa mục tiêu trở thành Tập đoàn thực phẩm hàng đầu tại Việt Nam và mở rộng ra các nước, chúng tôi có một con đường dài cần phải đi, nhiều thách thức để vượt qua và cần sự đồng hành, ủng hộ từ phía Quý đối tác, cổ đông và khách hàng.**

### Kính thưa Quý cổ đông,

Sau quá trình chuyển giao mảng bánh kẹo và tập trung chinh phục thị trường thực phẩm thiết yếu theo đúng chiến lược đã được thông qua Đại hội đồng cổ đông, Tập đoàn KIDO đã bước đầu gặt hái được nhiều thành công đáng kinh ngạc. Tăng trưởng vượt bậc cả về doanh thu và lợi nhuận trong năm 2017 là minh chứng rõ ràng nhất cho sự chuyển đổi ngoạn mục của KIDO trong lĩnh vực thực phẩm thiết yếu và điều này một lần nữa khẳng định năng lực, giá trị, uy tín cùng tầm nhìn chiến lược của KIDO trên thị trường. 2017 chính là năm bước ngoặt của Tập đoàn khi chứng kiến nhiều thay đổi tích cực cũng như sự tích hợp của các đơn vị kinh doanh khác nhau vào KIDO, và quá trình đó đã diễn ra vô cùng thành công nhờ nỗ lực của tập thể và sự đồng hành của Quý cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng, đối tác.


### Ngành hàng lạnh

Hoàn thành và đưa vào hoạt động nhà máy tại Bắc Ninh đã giúp KIDO Foods mở rộng quy mô sản xuất ra khu vực phía Bắc, thâm nhập sâu hơn vào thị trường khu vực, đồng thời là bước đi chiến lược giúp nâng cao hệ thống phân phối, làm bàn đạp để Công ty tiến vào phân khúc thực phẩm tươi sống và đồ hộp mà chúng tôi đang hướng đến. Với lợi thế về hệ thống phân phối 70.000 điểm bán ngành hàng lạnh sẽ tiếp tục được khai thác và mở rộng sang lĩnh vực thực phẩm tươi sống và thực phẩm ướp lạnh, hỗ trợ đắc lực cho mục tiêu Lấp đầy gian bếp Việt của Tập đoàn.

Mở rộng lĩnh vực và quy mô kinh doanh là quá trình không hề dễ dàng, và việc tiếp tục duy trì vị thế dẫn đầu và gia tăng thị phần Kem lên 40,2% khẳng định nỗ lực liên tục của chúng tôi. KIDO Foods cũng đã đánh dấu một mốc son mới trong hành trình phát triển của mình thông qua việc đưa cổ phiếu KDF chính thức niêm yết và giao dịch trên UPCOM. Việc đưa KDF trở thành Công ty đại chúng không ngoài mục tiêu đa dạng hóa cơ cấu cổ đông, thu hút nhà đầu tư chiến lược và dòng tiền đầu tư trong và ngoài nước mà còn là cơ hội để nhà đầu tư có thêm sự chọn lựa khi có thể trực tiếp đầu tư vào từng lĩnh vực mà các công ty thành viên trong Tập đoàn đang khai thác.

Tham vọng của KIDO là hiện diện ở cả phân khúc thực phẩm tươi sống, đông lạnh và đồ hộp. Ví thế, trong năm qua chúng tôi đã mua lại 50% cổ phần của Công ty TNHH CBTP Dabaco, một đơn vị có năng lực trong sản xuất thực phẩm chế biến. Với lợi thế từ chuỗi 3F (Feed, Farm, Food) từ nông trại đến bàn ăn và năng lực về công nghệ của đối tác, kết hợp cùng thế mạnh về hệ thống kênh phân phối, năng lực Marketing và sức mạnh về nguồn vốn, tài chính của KIDO, chúng tôi sẽ phát huy tối đa năng lực cạnh tranh trên thị trường và tạo tiền đề để mở rộng hợp tác với các đối tác khác trong lĩnh vực nhiều tiềm năng này.

## THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HĐQT (tiếp theo)

 **LỢI NHUẬN GỘP**  
**1.453**  
TỶ ĐỒNG

### Ngành hàng thực phẩm thiết yếu

Năm 2017 đã chứng kiến những thay đổi đáng kinh ngạc của Tường An với mức tăng trưởng lợi nhuận đạt 98%, gần gấp đôi so với năm 2016. Đây là thành quả đáng tự hào đánh dấu sự trở lại đầy ngoạn mục của một người khổng lồ vào đúng cột mốc kỷ niệm 40 năm thành lập. Chú voi đỏ đã khẳng định được sức sống bền bỉ và mãnh liệt của một thương hiệu Việt uy tín, chất lượng và thân thuộc với gian bếp Việt qua nhiều thế hệ. Đây là thành quả chung của đội ngũ CBCNV Tường An và KIDO thông qua quá trình cải thiện, nâng cao hệ thống vận hành, tái cấu trúc ngành hàng, đa dạng hóa danh mục sản phẩm nhằm tiếp tục phục vụ người tiêu dùng những sản phẩm chất lượng cho bữa ăn gia đình. Bên cạnh đó, Tường An tập trung triển khai hoạt động liên kết với đối tác để mở rộng thị trường, cụ thể, thông qua sự hỗ trợ của Tập đoàn, Tường An đã hợp tác với TTC để phân phối đường tinh luyện; hợp tác để phân phối mì gói và sẽ tiếp tục mở rộng sang các mặt hàng thiết yếu khác như nước sốt, nước chấm, gia vị ...

### Mảng kinh doanh Công nghiệp, Thương mại và Xuất khẩu

Bên cạnh đó, KIDO cũng đã hoàn tất nâng tỷ lệ sở hữu tại Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - Vocarimex từ 24% lên 51% vào tháng 05/2017 và chính thức sáp nhập vào Tập đoàn. Là một doanh nghiệp đầu ngành, VOC giữ vai trò quan trọng trong chuỗi giá trị của Tập đoàn, là yếu tố then chốt trong quá trình chinh phục thị trường thực phẩm tiêu dùng. Với sức mạnh về nền tảng quản trị chuỗi cung ứng, xuất nhập khẩu, kho vận,

đặc biệt là lợi thế trong lĩnh vực kinh doanh Dầu công nghiệp, VOC sẽ thiết lập nền tảng vững chắc để KIDO gia tăng mức độ ảnh hưởng trên lĩnh vực này đồng thời hỗ trợ đắc lực cho các công ty thành viên trong Tập đoàn. KIDO sẽ tiếp tục hỗ trợ VOC để tái cấu trúc hệ thống vận hành, quy hoạch, thiết kế mô hình kinh doanh tập trung khai thác khối khách hàng công nghiệp, thương mại và xuất khẩu.

### Từ mỗi giỏ hàng đến thị trường 250 ngàn tỷ đồng

Với mức độ cạnh tranh ngày càng gay gắt trên lĩnh vực thực phẩm thiết yếu có quy mô dự kiến đạt 250.000 tỷ đồng năm 2018. Để hiện thực hóa mục tiêu trở thành Tập đoàn Thực phẩm hàng đầu tại Việt Nam và mở rộng ra các nước, chúng tôi có một con đường dài cần phải đi, nhiều thách thức để vượt qua và cần sự đồng hành, ủng hộ từ phía Quý đối tác, cổ đông và khách hàng.

Thành công của KIDO trong thời gian qua là thành quả của việc theo đuổi chiến lược gắn kết với người tiêu dùng. Bên cạnh lợi thế cạnh tranh về năng lực quản trị, tiềm lực tài chính, hệ thống vận hành cùng nền tảng, kinh nghiệm trong lĩnh vực thực phẩm, KIDO luôn lấy nhu cầu của người tiêu dùng làm trọng tâm trong mọi hoạt động, lấy sự thấu hiểu nhu cầu và khẩu vị người Việt làm nền tảng phát triển. Mục tiêu của KIDO là phục vụ tối đa cho giỏ hàng của người tiêu dùng bằng cách chọn lựa và mang đến những sản phẩm chất lượng, phù hợp, đáp ứng đúng nhu cầu tiêu dùng trong suốt cả ngày. Đồng thời, chúng tôi tập trung ngày càng hoàn thiện kênh phân phối, đảm bảo đưa sản phẩm chất lượng đến

tận tay người tiêu dùng. Ưu tiên hàng đầu của KIDO là phối hợp chặt chẽ cùng các đối tác để bảo đảm rằng người tiêu dùng sẽ lựa chọn, sử dụng những sản phẩm chất lượng của chúng tôi với mức độ hài lòng cao nhất.

### KDC – tối ưu hóa lợi ích và đảm bảo tăng trưởng bền vững

Bên cạnh sứ mệnh đối với người tiêu dùng, khách hàng, cộng đồng và xã hội, ngay từ những ngày đầu tiên, KIDO đã xác định sứ mệnh của mình đối với cổ đông và nhà đầu tư trong việc phân bổ vốn để tối đa hóa giá trị cho cổ đông và quản trị rủi ro để tạo sự ổn định, niềm tin và lợi nhuận từ các khoản đầu tư.

Cam kết đó đã được Tập đoàn hiện thực hóa trong nhiều năm qua, thể hiện rõ nhất qua tỷ lệ chia cổ tức. Điều này cũng tiếp tục đặt ra yêu cầu KIDO phải đảm bảo mức tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận và hiệu quả tài chính. Các công ty thành viên của Tập đoàn cũng được định hướng tập trung vào những vấn đề quan trọng nhất để tạo ra giá trị, đảm bảo cân bằng giữa lợi ích và tăng trưởng. KIDO cam kết sẽ triển khai tất cả những hoạt động chiến lược một cách hiệu quả để mang lại cho Quý cổ đông, các nhà đầu tư tỷ lệ cổ tức phù hợp và ổn định trong lâu dài.

Hiện tại, với sự tham gia của 03 công ty cùng niềm yết trên thị trường chứng khoán: TAC, KDF và VOC, KIDO đã phát triển mạnh cả về quy mô, năng lực sản xuất, quản lý vận hành. Như đã nói, vẫn còn rất nhiều thách thức trong quá trình đưa các công ty thành viên phát triển theo đúng lộ trình đã đề ra. Tuy nhiên, với sự nhạy bén

với thị trường, lợi thế về tài chính và năng lực quản trị, KIDO sẽ tập trung các nguồn lực để đồng hành và hỗ trợ tất cả các thành viên liên tục khai thác tiềm năng và sẵn sàng cho các giai đoạn phát triển tiếp theo trong tương lai. Đồng thời, thông qua hoạt động M&A, hợp tác, liên doanh, liên kết với các đối tác, chúng tôi sẽ nhanh chóng đẩy mạnh quá trình mở rộng quy mô và thâm nhập vào các ngành hàng khác trong lĩnh vực thực phẩm thiết yếu. Với tất cả các lý do trên, tôi tin rằng Tập đoàn KIDO sẽ nhanh chóng hoàn thành các mục tiêu chiến lược và đạt vị thế Tập đoàn thực phẩm hàng đầu mà chúng tôi hướng tới nhanh hơn mong đợi.

### Thưa Quý cổ đông,

Tự hào về những thành quả mà đội ngũ đã gặt hái được trong thời gian qua và tôi tin tưởng rằng chính sự đồng hành bền bỉ của Quý cổ đông mới thực sự là động lực thúc đẩy Tập đoàn KIDO tự tin triển khai chiến lược và gặt hái được mức tăng trưởng mạnh mẽ trong suốt quá trình chuyển đổi. Thay mặt Hội đồng Quản trị, một lần nữa tôi gửi lời tri ân sâu sắc đến Quý cổ đông, Quý nhà đầu tư, Quý khách hàng, Quý đối tác và đội ngũ CBCNV vì đã luôn tin tưởng và đồng hành cùng Tập đoàn KIDO.

Kính chúc Quý vị một năm mới thịnh vượng, dồi dào sức khỏe, hạnh phúc và chúng ta sẽ tiếp tục hợp tác bền vững trên con đường thành công trong tương lai.

### TRẦN KIM THÀNH

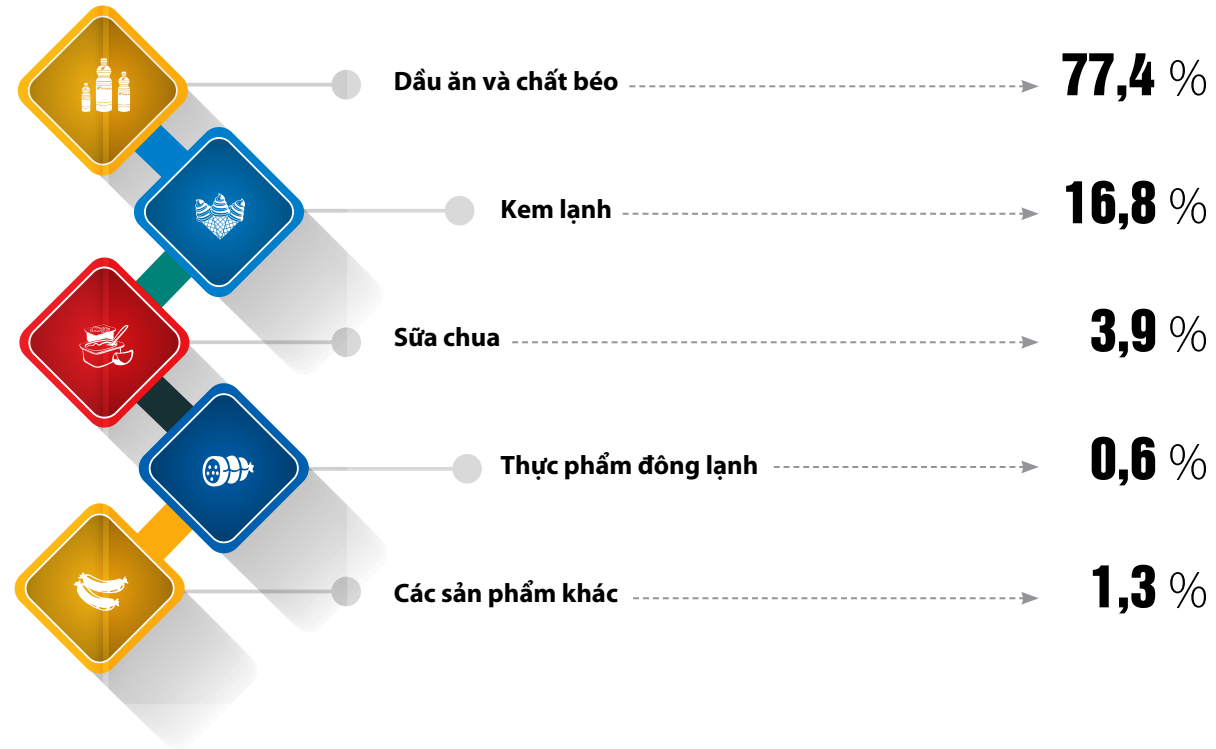
Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn KIDO

 **DOANH THU THUẦN**  
**7.016**  
TỶ ĐỒNG

## CƠ CẤU TẬP ĐOÀN

Đơn vị kinh doanh

Tỷ lệ % trong tổng doanh thu của Tập đoàn năm 2017



## TẦM NHÌN & SỨ MỆNH

### TẦM NHÌN

# THÊM HƯƠNG VỊ CHO CUỘC SỐNG

TRỞ THÀNH TẬP ĐOÀN THỰC PHẨM UY TÍN TẠI VIỆT NAM VÀ ĐÔNG NAM Á THÔNG QUA VIỆC MANG THÊM NHIỀU HƯƠNG VỊ ĐẾN CHO KHÁCH HÀNG BẰNG NHỮNG SẢN PHẨM AN TOÀN, DINH DƯỠNG, TIỆN LỢI VÀ ĐỘC ĐÁO.

### SỨ MỆNH



#### NGƯỜI TIÊU DÙNG

Sứ mệnh của KIDO đối với người tiêu dùng là tạo ra những sản phẩm phù hợp, tiện dụng bao gồm các loại thực phẩm thông dụng, thiết yếu, các sản phẩm bổ sung và đồ uống. Chúng tôi cung cấp các thực phẩm an toàn, thơm ngon, dinh dưỡng, tiện lợi và độc đáo cho tất cả khách hàng để luôn giữ vị trí tiên phong trên thị trường thực phẩm.



#### ĐỐI TÁC

Với đối tác, sứ mệnh của KIDO là tạo ra những giá trị bền vững cho tất cả các thành viên trong chuỗi cung ứng thông qua các sản phẩm đầy tính sáng tạo. Chúng tôi hướng tới mức lợi nhuận hài hòa cho các bên, cải tiến các quy trình cho chất lượng và năng suất để tạo sự phát triển bền vững.



#### NHÂN VIÊN

Chúng tôi luôn oam mồm và tạo mọi điều kiện để thỏa mãn các nhu cầu và kỳ vọng trong công việc nhằm phát huy tính sáng tạo, sự toàn tâm và lòng nhiệt huyết của nhân viên. Vì vậy KIDO luôn có một đội ngũ nhân viên năng động, sáng tạo, trung thành, có khả năng thích nghi cao và đáng tin cậy.



#### CỘNG ĐỒNG

Để góp phần phát triển và hỗ trợ cộng đồng, chúng tôi chủ động tạo ra, đồng thời tích cực tham gia và đóng góp cho những chương trình hướng đến cộng đồng và xã hội. Chúng tôi hướng đến trở thành tổ chức tiên phong cho sự phát triển của xã hội và mang tính cộng đồng cao.



#### CỔ ĐÔNG

Với cổ đông, sứ mệnh của KIDO là phân bổ vốn để tối đa hóa giá trị cho cổ đông trong dài hạn và quản trị rủi ro để tạo sự ổn định và vững tin với các khoản đầu tư đem lại lợi ích mong đợi cho cổ đông.

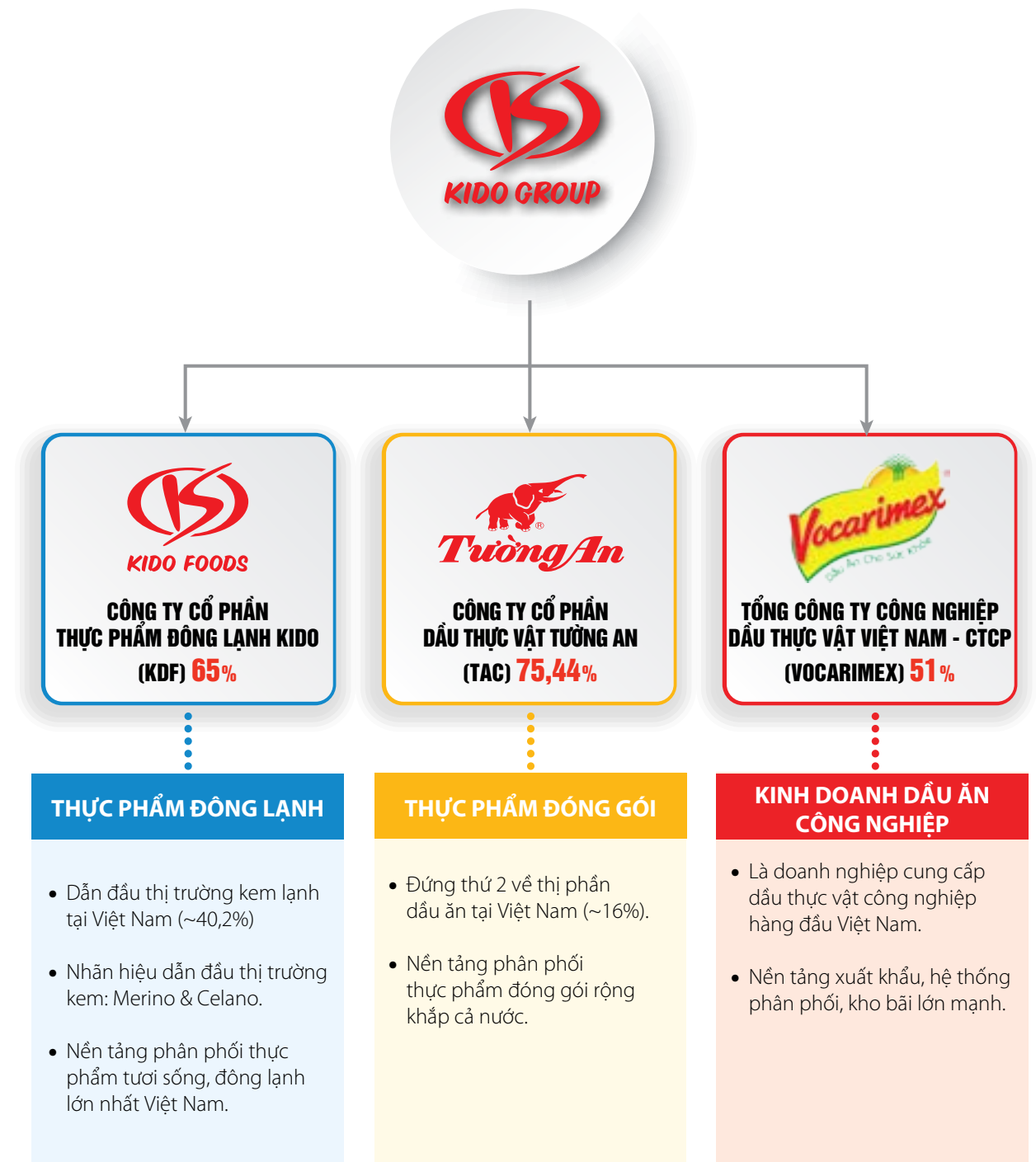
## TỔNG QUAN - CHÚNG TÔI LÀ AI?

 **ĐIỂM BÁN TRÊN TOÀN QUỐC**  
**450.000**  
ĐIỂM

KDC là công ty sản xuất thực phẩm và đồ uống tiêu dùng với danh mục sản phẩm đa dạng từ vòng đời sản phẩm đến điều kiện nhiệt độ bảo quản. Mỗi sản phẩm đều được thiết kế hướng đến mục tiêu mang đến cho người tiêu dùng những trải nghiệm thực về hương vị, dinh dưỡng, cũng như mang đến nhiều hơn sự lựa chọn cho khách hàng.

Nền tảng của chúng tôi được thiết kế dựa trên mục tiêu gia tăng năng lực phân phối, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng đa dạng từ sản phẩm lạnh đến sản phẩm đông.

Bằng nền tảng hiện có, chúng tôi hướng đến mục tiêu phục vụ ít nhất 85% người tiêu dùng trên khắp Việt Nam thông qua hệ thống 450.000 điểm bán trên toàn quốc.



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



### **ÔNG TRẦN KIM THÀNH**

*Thành viên sáng lập,  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn*

Đồng sáng lập Tập đoàn KIDO (tiền thân là Kinh Đô), Ông Thành đóng vai trò then chốt trong các chiến lược phát triển của Tập đoàn, Ông đã dẫn dắt KIDO trở thành một trong những Tập đoàn thực phẩm lớn nhất Việt Nam. Ông là một doanh nhân nhiều kinh nghiệm trong quản lý và điều hành kinh doanh.

Bên cạnh vai trò là Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn KIDO, Ông Thành còn là thành viên Ban Quản trị của một loạt các Tập đoàn khác hoạt động trong lĩnh vực kinh tế tư nhân.



### **ÔNG TRẦN LÊ NGUYÊN**

*Đồng sáng lập,  
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị &  
Tổng Giám đốc điều hành Tập đoàn*

Là doanh nhân nhiều kinh nghiệm trong việc tạo lập và phát triển các doanh nghiệp, Ông Trần Lê Nguyên là thành viên sáng lập Tập đoàn KIDO (tiền thân là công ty Kinh Đô). Trong vai trò là thành viên sáng lập và Tổng Giám đốc Điều hành, Ông đóng vai trò chủ chốt trong sự phát triển của Tập đoàn. Dưới sự điều hành của mình, Ông đã góp phần quan trọng dẫn dắt KIDO phát triển, trở thành một trong các thương hiệu nổi tiếng tại Việt Nam và sở hữu một danh mục sản phẩm phong phú, chiếm lĩnh thị trường. Ông đã dẫn dắt các thương vụ M&A của Tập đoàn KIDO và xây dựng danh mục đa dạng của các thương hiệu góp phần vào quá trình hình thành của KDC ngày nay.

Ngoài vai trò là Ủy viên Hội đồng Quản trị phòng Thương mại Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Ông Nguyên còn là thành viên Hội đồng Quản trị của nhiều công ty hàng đầu khác tại Việt Nam.



### **BÀ VƯƠNG BỬU LINH**

*Đồng sáng lập,  
Thành viên HĐQT & Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn*

Là một trong các thành viên sáng lập, Bà Linh hiện là Thành viên Hội đồng Quản trị và là Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn KIDO.

Trong giai đoạn đầu khi sáng lập Tập đoàn, bằng kinh nghiệm trong quản lý, điều hành sản xuất, Bà đã giúp Công ty vượt qua những thách thức và ngày càng mở rộng quy mô trên thị trường. Bên cạnh đó, cùng với khả năng và am hiểu sâu sắc trong lĩnh vực quản lý, điều hành chuỗi cung ứng, quản lý chi phí, đảm bảo chất lượng và nâng cao lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp, Bà đã xây dựng và phát triển các phòng ban trong chuỗi cung ứng của Tập đoàn, góp phần quan trọng trong việc hình thành nên một trong các doanh nghiệp thực phẩm lớn nhất Việt Nam.

Bà Linh là “kiến trúc sư” trưởng trong việc triển khai hệ thống ERP (Hoạch định Tài nguyên Doanh nghiệp) trong Tập đoàn KIDO nhằm tăng cường khả năng của Tập đoàn trong việc ra các quyết định kịp thời và chính xác. Bên cạnh năng lực quản lý chuyên sâu, Bà còn có kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư giáo dục.



### **BÀ VƯƠNG NGỌC XIÊM**

*Đồng sáng lập,  
Thành viên HĐQT & Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn*

Bà là một trong các thành viên sáng lập, Bà Xiêm hiện là Thành viên HĐQT và là Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn KIDO. Với trên 20 năm kinh nghiệm trong việc điều hành chuỗi bán lẻ và nhượng quyền chuỗi cửa hàng Kinh Đô Bakery, Bà đã có những đóng góp quan trọng vào quá trình quản lý và điều hành doanh nghiệp từ những ngày đầu mới thành lập.

Linh động, sáng tạo trong cách tiếp cận và mở rộng thị trường trong chuỗi cửa hàng bán lẻ, Bà đã giúp hình ảnh của Công ty ngày càng gắn gũi với người tiêu dùng thông qua việc phân phối các sản phẩm đảm bảo chất lượng, an toàn, dinh dưỡng và phù hợp với xu hướng tiêu dùng hiện đại.

Với kinh nghiệm và cách tiếp cận thực tế của mình, Bà giữ vai trò chủ chốt trong đội ngũ quản lý, đóng góp to lớn vào sự phát triển và thành công của Tập đoàn KIDO.



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)



**ÔNG WANG CHING HUA**

*Đồng sáng lập,  
Thành viên HĐQT & Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn*

Ông Wang có hơn 24 năm kinh nghiệm hoạt động trong ngành công nghiệp sản xuất và chế biến thực phẩm. Ông là một trong các sáng lập viên đặt nền móng cho các hoạt động sản xuất của KIDO.

Ông cũng góp phần vào việc mở rộng quy mô sản xuất của KIDO ở Việt Nam. Hiện Ông đảm nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn.



**ÔNG TRẦN QUỐC NGUYÊN**

*Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn &  
Tổng Giám đốc Điều hành Công ty Thực phẩm Đông lạnh KIDO*

Ông Nguyên có hơn 20 năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành các công ty thành viên thuộc Tập đoàn KIDO và Ông hiện là Thành viên HĐQT và Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn. Ông Nguyên đã nắm giữ nhiều vị trí quan trọng trong Tập đoàn và hiện nay cũng kiêm nhiệm vai trò Tổng Giám đốc Điều hành Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông lạnh KIDO. Trên cương vị của mình, Ông đã góp phần quan trọng vào sự phát triển và mở rộng hoạt động kinh doanh của mảng thực phẩm đông lạnh. Ông đóng vai trò lớn trong việc phát triển danh mục sản phẩm, từ kem, các sản phẩm từ sữa cho đến thực phẩm đông lạnh, cũng như mở rộng kênh phân phối để đưa Công ty trở thành doanh nghiệp có hệ thống phân phối sản phẩm đông lạnh hàng đầu Việt Nam. Ông là người có vai trò lớn trong việc xây dựng hai thương hiệu kem lớn nhất tại Việt Nam.



**ÔNG NGUYỄN GIA HUY CHƯƠNG**

*Thành viên HĐQT*

Ông Chương là thành viên HĐQT độc lập của Tập đoàn KIDO từ năm 2013. Ông tốt nghiệp Thạc Sĩ Luật Thương mại Quốc tế tại Trường Luật Bristol (Đại học Tây Anh Quốc – UWE, Vương quốc Anh). Ông Chương là đồng sáng lập và Giám đốc - Luật sư Điều hành của Công ty Luật Phước & Partners. Ông có gần 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực hành nghề luật sư, tư vấn cho các công ty đa quốc gia và tập đoàn lớn tại Việt Nam trong các giao dịch quốc tế thuộc nhiều lĩnh vực đầu tư. Ông đã được công nhận là luật sư hàng đầu tại Việt Nam thông qua các xuất bản ở tầm quốc tế như FLR1000, Asia Legal Business (ALB), Legal 500 Asia Pacific,...

**ÔNG NGUYỄN VĂN THUẬN**

*Thành viên HĐQT*

Ông Thuận là Thành viên HĐQT độc lập của Tập đoàn KIDO. Là Tiến sĩ Kinh tế, Ông Thuận hiện là Trưởng khoa Thuế - hải quan, Đại học Tài chính - Marketing. Ông có hơn 32 năm kinh nghiệm giảng dạy trong lĩnh vực Ngân hàng và Tài chính. Bên cạnh công việc chuyên môn tại trường đại học, Ông cũng là cố vấn tài chính cho các công ty và tổ chức nước ngoài tại Việt Nam.

**ÔNG NGUYỄN ĐỨC TRÍ**

*Thành viên HĐQT*

Ông Trí là thành viên HĐQT độc lập của tập đoàn KIDO từ năm 2013. Là Tiến sĩ chuyên ngành Quản trị Kinh doanh tại Đại học Công nghệ Nanyang ở Singapore, Ông Trí đã làm cho một công ty sản xuất đường thuộc Bộ Nông nghiệp và tham gia giảng dạy cho Đại học Touro University International nay là Trident University International (California, Hoa Kỳ); Khoa Kinh tế tại Đại học Risscho (Tokyo, Nhật bản); trường Đại học Kinh tế Tp. HCM và các chương trình đào tạo liên kết khác tại Việt Nam. Từ ngày 1/9/2016, Ông được bổ nhiệm vào vị trí Phó Giáo sư tại Trường Đại học Khoa học Ứng dụng Stenden, nay là NHL Stenden University of Applied Sciences (Hà Lan).

## BAN KIỂM SOÁT



**ÔNG LƯƠNG QUANG HIẾN**  
Trưởng Ban Kiểm soát

Ông Hiến có hơn 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính, Quản lý và Giao dịch Tài chính. Trong thời gian 13 năm làm việc tại KIDO từ năm 1999 - 2011, Ông đã tham gia vào việc quản lý tài chính, quan hệ đối tác, cũng như tham gia một loạt các thương vụ mua bán và sáp nhập (M&A) và các dự án tái cấu trúc. Ngoài vị trí Trưởng ban Kiểm soát của KIDO, Ông Hiến cũng là Thành viên Ban Kiểm soát của nhiều công ty và quỹ đầu tư như VEOF, Savico và Tập đoàn Tafoco.

Ông Hiến tốt nghiệp Đại học Ngoại Thương Tp. HCM và có bằng Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh tại Đại học Washington State, Hoa Kỳ.



**BÀ LƯƠNG MỸ DUYÊN**  
Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Duyên bắt đầu làm việc cho Tập đoàn KIDO từ năm 1993 và đã nắm giữ nhiều vị trí quan trọng bao gồm Phó phòng Kế toán và Kế toán trưởng của KIDO. Từ năm 2006, Bà Duyên giữ vị trí Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Bất động sản KIDO.

Bà tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Tài chính Kế toán.



**ÔNG VÕ LONG NGUYÊN**  
Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Nguyên có bằng Cử nhân kinh tế chuyên ngành Quản trị Doanh nghiệp. Ông cũng được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép Quản lý quỹ. Là một trong những người tham gia môi giới chứng khoán đầu tiên trên thị trường chứng khoán OTC ở Việt Nam, Ông Nguyên có hơn 19 năm kinh nghiệm trong việc đầu tư tài chính.



## BAN ĐIỀU HÀNH



### **ÔNG KELLY WONG**

*Phó Tổng Giám đốc Tài chính &  
Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn*

Ông Wong đã gắn bó với KIDO từ năm 2011 và nắm giữ cương vị Phó Tổng Giám đốc Tài chính của Tập đoàn, quản lý tài chính, kế toán và các hoạt động đầu tư. Đến Việt Nam từ hơn 10 năm qua, Ông đã trải qua nhiều vị trí liên quan đến các lĩnh vực về tài chính.

Ông Wong có bằng Cử nhân Thương mại tại Đại học British Columbia ở Vancouver, Canada. Ông cũng tốt nghiệp chương trình Quản lý Châu Á tại Viện Quản lý McRae thuộc Đại học Capilano, Canada.



### **BÀ NGUYỄN THỊ XUÂN LIỄU**

*Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn &  
Tổng Giám đốc Vocarimex*

Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu đã gắn bó với Tập đoàn KIDO từ năm 2014 và hiện nay đang là Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn KIDO, Thành viên HĐQT Tường An, Tổng Giám đốc Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – CTCP (Vocarimex). Bà đã có hơn 30 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng và hơn 21 năm nắm giữ các vị trí quản lý cấp cao tại Ngân hàng Công thương Việt Nam.

Bà tốt nghiệp cử nhân và cao học, đồng thời Bà bảo vệ xuất sắc luận án Tiến sỹ Kinh tế tại Trường Đại học Kinh tế Tp.HCM. Bà vinh dự được nhận bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, các bộ ngành, giải thưởng Doanh nhân Việt Nam và Huân chương Lao động của Chủ tịch nước trao tặng.



### **BÀ NGUYỄN THỊ HẠNH**

*Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn &  
Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An*

Bà Nguyễn Thị Hạnh hiện là Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn KIDO, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Dầu thực vật Tường An. Bà có hơn 16 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực bán lẻ và kinh doanh. Trước khi gia nhập KIDO, Bà từng là Tổng Giám đốc Saigon-Coop, Chủ tịch HĐQT của SCID, Thành viên HĐQT của Saigon Co-op Fair Price LLC và Saigon Co-op Mapletree LLC.

Trải qua nhiều vị trí khác nhau với nhiều kinh nghiệm thực tế, Bà được biết đến là doanh nhân giàu kinh nghiệm và góp phần phát triển ngành bán lẻ tại Việt Nam. Bà được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhì, Giải thưởng Doanh nhân Việt Nam và Giải thưởng Bông Hồng Vàng.

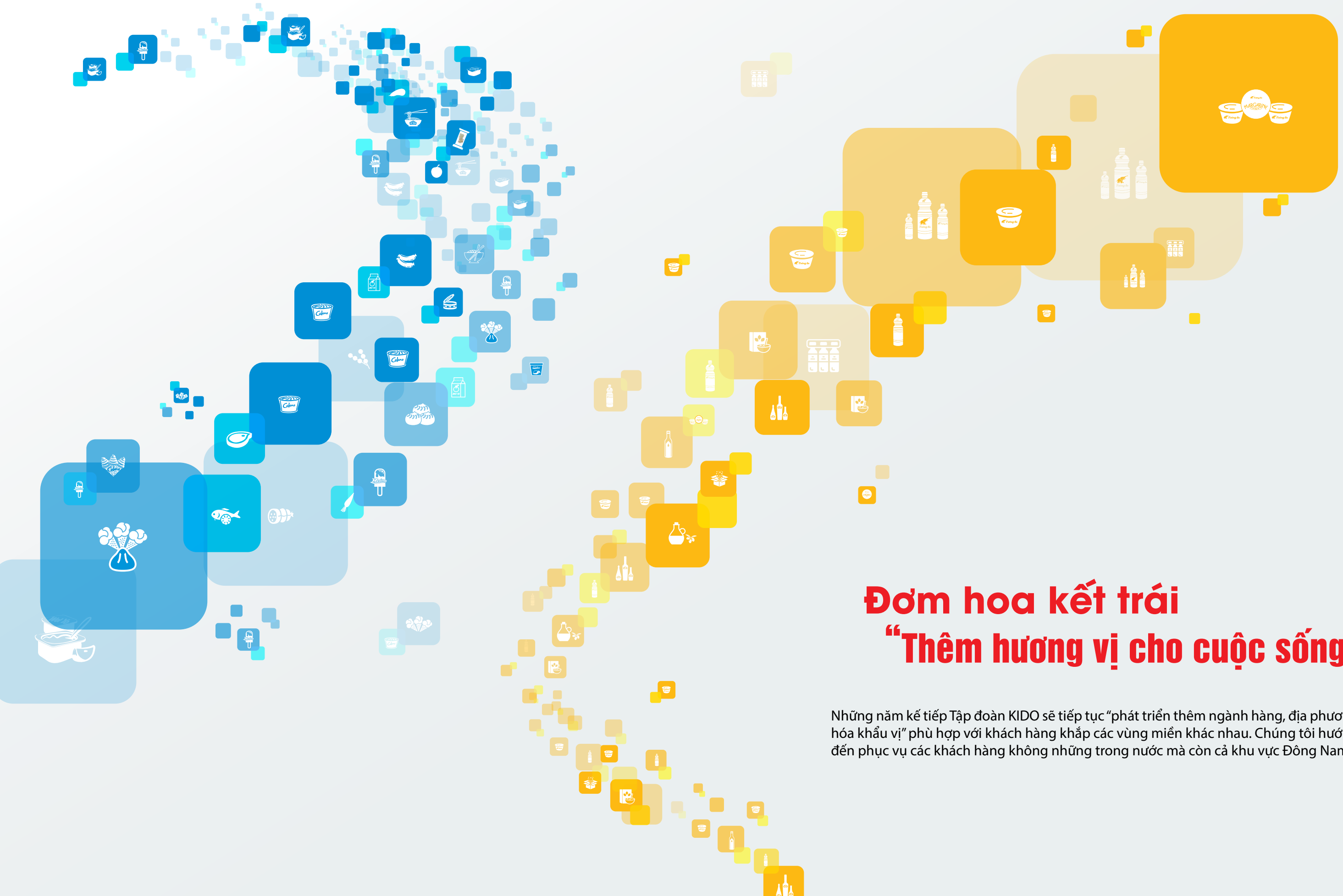


### **ÔNG MÃ THANH DANH**

*Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn*

Ông Mã Thanh Danh đã gắn bó với Tập đoàn KIDO từ những ngày đầu thành lập. Ông được bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn từ năm 2013, phụ trách mảng quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ cho Tập đoàn. Ông có hơn 10 năm kinh nghiệm trong quản lý chiến lược kinh doanh, tư vấn quản lý thương hiệu, Mua bán và Sáp nhập (M&A). Ông còn là chuyên gia tư vấn thực thi BigData cho nhiều doanh nghiệp tại Việt Nam.

Ông có bằng Cử nhân Kỹ sư Điện, Cử nhân Quản trị Kinh doanh tại Đại học Kinh tế, Thạc sỹ Quản trị Doanh nghiệp chuyên ngành Chiến lược Kinh doanh Quốc tế và Quản lý Thương hiệu tại Vương quốc Bỉ. Hiện Ông đảm nhiệm vị trí Chủ tịch Công ty Tư vấn và Đầu tư CIB.



## Đơm hoa kết trái “Thêm hương vị cho cuộc sống”

Những năm kế tiếp Tập đoàn KIDO sẽ tiếp tục “phát triển thêm ngành hàng, địa phương hóa khẩu vị” phù hợp với khách hàng khắp các vùng miền khác nhau. Chúng tôi hướng đến phục vụ các khách hàng không những trong nước mà còn cả khu vực Đông Nam Á

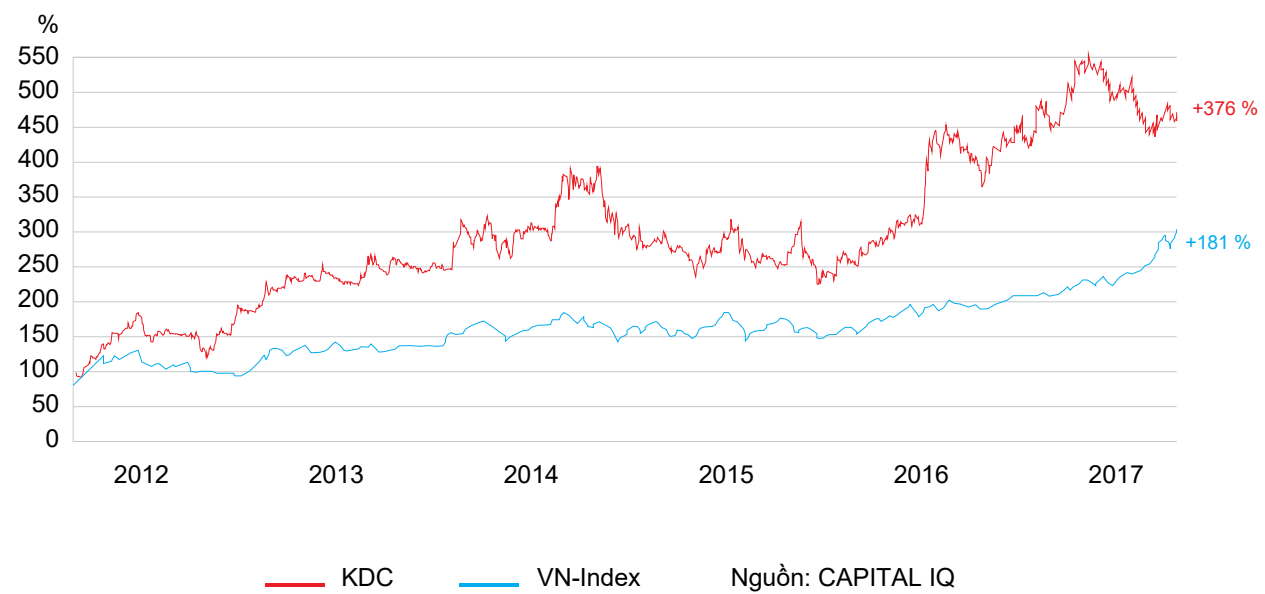
## CÁC CHỈ SỐ HOẠT ĐỘNG CHÍNH



### CHIẾN LƯỢC LỢI NHUẬN CỔ ĐÔNG

TSR cung cấp một thước đo liên quan đến thị trường về sự tiến triển của Tập đoàn với mục tiêu mang lại giá trị lâu dài cho các cổ đông của chúng tôi. TSR đo lường tổng lợi nhuận cho cổ đông của KDC, bao gồm cả việc tăng giá cổ phiếu và cổ tức đã trả.

### CHỈ SỐ GIÁ CỔ PHIẾU ĐIỀU CHỈNH (2012 = 100%)





## THÔNGIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

**ĐIỀU NÀY ĐÃ ĐƯỢC THỂ HIỆN THÔNG QUA SỰ TĂNG TRƯỞNG MẠNH MẼ KHI DOANH THU THUẦN HỢP NHẤT ĐẠT 213,4% VỚI 7.016 TỶ ĐỒNG KHI KẾT THÚC NĂM 2017. NGOÀI RA, CHÚNG TA CŨNG CHỨNG KIẾN ĐƯỢC LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ, LÃI VAY VÀ KHẤU HAO (EBITDA) ĐẠT 231 TỶ ĐỒNG VÀ LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ ĐẠT 561 TỶ ĐỒNG.**

### Kính thưa Quý Cổ đông,

**T**ôi rất vui mừng khi được chia sẻ với Quý vị về tình hình hoạt động kinh doanh của Tập đoàn KIDO trong năm tài chính vừa qua. Như thông điệp Chủ tịch đã trình bày, KIDO đang tiến vào một giai đoạn phát triển mới và chúng tôi cảm thấy thật phấn khởi cho bước chuyển quan trọng này. Trong năm qua, Ban Điều hành của Công ty đã có một năm thật khởi sắc khi hoạt động kinh doanh tập trung vào tăng trưởng dựa trên nền tảng hoạt động hình thành nhờ sự hợp nhất thành công các doanh nghiệp thông qua các thương vụ mua bán sáp nhập.

Điều này đã được thể hiện thông qua sự tăng trưởng mạnh mẽ khi doanh thu thuần hợp nhất đạt 213,4% với 7.016 tỷ đồng khi kết thúc năm 2017. Ngoài ra, chúng ta cũng chứng kiến được Lợi nhuận trước thuế, lãi vay và khấu hao (EBITDA) đạt 231 tỷ đồng và Lợi nhuận trước thuế đạt 561 tỷ đồng.

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn ngày càng mở rộng và không chỉ tập trung vào ngành hay dòng sản phẩm nhất định. Chiến lược của Tập

đoàn tập trung khai thác khía cạnh sản phẩm tiêu dùng là một phần trong cuộc sống hằng ngày của người dân Việt Nam. Bước đi đầu tiên của chúng tôi đã thiết lập nền tảng về hệ thống phân phối vững chắc với khả năng mở rộng được thực hiện bởi hai công ty đang dẫn đầu thị trường trong ngành Dầu ăn và Kem nhằm chuẩn bị bước thâm nhập sâu hơn vào thị trường. Đối với ngành Dầu ăn sẽ bao gồm các kênh kinh doanh bán lẻ, thương mại, kênh khách hàng công nghiệp và kênh xuất khẩu. Hoạt động kinh doanh Dầu ăn cho khách hàng tiêu dùng sẽ được tham gia đảm trách bởi Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An (TAC), công ty vừa tổ chức chuỗi các hoạt động kỷ niệm 40 năm thành lập vào năm 2017. Sau một năm trở thành thành viên của KDC, TAC đã có những bước chuyển mình mạnh mẽ. Doanh thu thuần tăng trưởng 9,0% từ 3.978 tỷ đồng lên 4.338 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế tăng 98,2% từ mức 84 tỷ đồng năm 2016 lên đến 166 tỷ đồng trong năm 2017.

Đối với mảng thực phẩm đông lạnh sẽ được đảm nhiệm bởi Công ty Cổ phần Thực phẩm

## THÔNGIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

 **LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ**

**561**  
TỶ ĐỒNG

Đông lạnh KIDO (KDF). Hiện KDF là đơn vị đang chiếm thị phần lớn nhất ở ngành kem khi tăng từ 38,1% năm 2016 lên 40,2% trong năm 2017 và luôn duy trì vị thế dẫn đầu thị trường Kem tại Việt Nam. Tốc độ tăng trưởng của KDF đạt 15,7% cao hơn so với mức bình quân tăng trưởng của ngành (14,7%), nhờ vào xu hướng tiêu dùng sản phẩm ở phân khúc cao cấp và sự tiếp tục dịch chuyển dân cư từ các vùng nông thôn sang khu vực thành thị. Ngoài ra, việc liên tục đổi mới sản phẩm sẽ được thực hiện nhằm giữ khách hàng tiếp tục gắn bó với các thương hiệu nổi tiếng của chúng tôi như Merino và Celano. Sản phẩm gần đây nhất mà KDF mới cho ra mắt là Kem Taiyaki dưới thương hiệu cao cấp của Celano đã mở ra cơ hội mới cho KDF để tiến tới thị trường lớn hơn, đó là ngành thực phẩm tráng miệng. Hơn nữa, đối với mảng thực phẩm đông lạnh, nền tảng chúng tôi bắt đầu từ sản phẩm bánh bao và tiếp tục thâm nhập thị trường với nhiều loại sản phẩm khác nhau bao gồm khoai tây chiên đông lạnh, thực phẩm sơ chế, xúc xích và cá viên chiên. Về mảng sữa chua, doanh thu thuần giảm 22,9%. Điều này phần lớn bị ảnh hưởng từ việc sụt giảm doanh thu của sữa chua đá mà chúng tôi đã cho ra mắt trước đó. Nguyên nhân chủ yếu là do sự cạnh tranh khốc liệt của sản phẩm này trên thị trường. Do đó, chúng tôi đang chú trọng đổi mới sản phẩm hiện có và mở rộng sự hiện diện của các sản phẩm sữa chua đông lạnh nhằm ứng phó với rủi ro tiềm ẩn và không ngừng tăng trưởng. Tuy nhiên, doanh thu thuần của mảng sữa chua của Công ty vẫn tương đối ổn định khi đạt khoảng 113 tỷ đồng trong năm 2017.

 **THỊ PHẦN NGÀNH KEM**

**40,2%**

Hướng về năm 2018, chúng tôi đã sẵn sàng cho những mục tiêu tăng trưởng mạnh mẽ. Hệ thống phân phối đã được tích hợp và ở vị thế tốt sau một năm nỗ lực trong việc tái cấu trúc nền tảng. Chúng tôi đã tiến hành hoàn thiện các bước phát triển sản phẩm trong năm trước và sẵn sàng cho sự ra mắt các sản phẩm mới trong năm 2018. Cụ thể, năm nay các công ty thành viên sẽ thử nghiệm các sản phẩm mới nhằm xác định sản phẩm phù hợp với đặc trưng của từng vùng miền cũng như phù hợp với đặc thù của kênh bán hàng. Điều này phù hợp với mục tiêu của chúng tôi là xác định đúng “trải nghiệm của khách hàng” đối với sản phẩm hiện có và các sản phẩm mới sắp ra mắt. Về cơ bản, việc cung cấp cho khách hàng đúng sản phẩm với giá cả hợp lý, đúng thời điểm và đúng quy cách sẽ là yếu tố quyết định để phân biệt chúng tôi với các đối thủ khác. Sự thành công của những hoạt động tung các sản phẩm mới này sẽ thúc đẩy sự tăng trưởng mạnh mẽ của KDC trong những năm sắp tới và củng cố cho chiến lược của chúng tôi trong việc tạo ra một giỏ hàng hóa đáp ứng được trải nghiệm của người tiêu dùng một cách trọn vẹn.

Một lần nữa, Tôi xin gửi lời cảm ơn đến Quý cổ đông đã luôn tin tưởng, ủng hộ và gắn bó cùng chúng tôi trong suốt những năm qua. Đặc biệt là Quý khách hàng, các đối tác kinh doanh, đội ngũ cán bộ công nhân viên đầy nhiệt huyết vì sự ủng hộ, hợp tác bền chặt cùng Tập đoàn. Sự ủng hộ này giúp Tập đoàn KIDO chúng tôi thêm tự tin để tiếp tục theo đuổi mục tiêu trở thành một trong những Tập đoàn thực phẩm hàng đầu tại Việt Nam.

### **TRẦN LỆ NGUYỄN**

Tổng Giám đốc Điều hành Tập đoàn KIDO

## ĐÁNH GIÁ CỦA PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

**THỊ TRƯỜNG DẦU ĂN MỖI NĂM TĂNG TRƯỞNG 6,0% ĐẠT KHOẢNG 29.000 TỶ ĐỒNG, TRONG ĐÓ, PHÂN KHÚC DẦU ĂN VÀ CHẤT BÉO, DẦU THỰC VẬT VÀ DẦU CHIẾT XUẤT TỪ CÁC LOẠI HẠT VẪN CHIẾM VỊ TRÍ LỚN NHẤT VỚI HƠN 90%.**

Nền kinh tế Việt Nam năm 2017 đã tạo ra một môi trường hoạt động kinh doanh ổn định cho các công ty tiêu dùng. Tình hình kinh tế tăng trưởng 6,81% so với năm 2016 và tỉ lệ lạm phát ổn định ở mức 3,53%. Lãi suất và tỉ giá biến động ở mức ổn định hơn những năm trước. Yếu tố ảnh hưởng nhất đến các công ty tiêu dùng Việt Nam là thời tiết. Chúng ta đã chứng kiến được sự biến đổi thời tiết bất thường đã gây ảnh hưởng tiêu cực đến nhu cầu tiêu dùng của người dân ở khu vực miền Trung Việt Nam. Mặc dù vậy, sự lạc quan và chỉ số niềm tin tiêu dùng ngày càng cao hơn, cùng với thu nhập khả dụng của người dân tăng lên trong bối cảnh thị trường có tỉ lệ lạm phát thấp; do đó, khả năng chi tiêu của người dân có thể sẽ tăng lên.

Tuy nhiên, năm 2017 sẽ vẫn tiếp tục đối mặt với những khó khăn và thách thức nhất định. Cụ thể, nền nông nghiệp của Việt Nam đã chịu những điều kiện thời tiết bất lợi gây ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh và kết quả là đời sống của người dân. Mức lương tối thiểu cho người lao động tăng lên khoảng 7,0% đến 7,5%, ảnh hưởng đến chi phí sản xuất. Ngoài ra, những thách thức vẫn còn đang tiếp diễn trong việc tái cơ cấu thị trường của Nhà nước, giải ngân các khoản đầu tư công, các vấn đề môi trường và an toàn thực phẩm, ảnh hưởng đến mức độ tự tin của người tiêu dùng.

Mặc dù vậy, chúng ta vẫn tiếp tục lạc quan về tình hình nền kinh tế của Việt Nam khi GDP được dự kiến tiếp tục tăng lên vào khoảng 6,7% năm 2018. Chỉ số CPI được dự đoán tăng nhẹ 4,3% và giá trị đồng Việt Nam giảm khoảng 2% do các áp lực toàn cầu. Trong bối cảnh này, nền kinh tế có sự tăng trưởng tín dụng ổn định giúp thúc đẩy lợi nhuận của doanh nghiệp cũng như tín hiệu khả quan trên thị trường chứng khoán.

Tập đoàn của chúng tôi hoạt động trong lĩnh vực hàng tiêu dùng nhanh - một ngành chịu nhiều áp lực toàn cầu khác nhau. Ở Việt Nam, chúng tôi xác định được hai nguồn lực chính tạo nên bối cảnh phát triển của doanh nghiệp chúng tôi. Nền kinh tế phát triển kéo theo việc hình thành tầng lớp tiêu dùng mới, cụ thể là ở các khu vực thành thị. Tầng lớp tiêu dùng này có sự quan tâm cũng như có khả năng tham gia vào xu hướng tiêu dùng hiện đại. Điều này dẫn đến sự tăng lên ở sức mua và sẽ kéo theo mức độ chi tiêu của người tiêu dùng tăng theo và đây là xu hướng mà chúng tôi mong đợi sẽ hình thành rõ ràng hơn trong 5 năm tới. Ở khía cạnh ngược lại, việc hội nhập kinh tế đã thúc đẩy dòng chảy từ các thương hiệu nước ngoài vào Việt Nam và làm gia tăng mức độ cạnh tranh ở các khu vực thành thị. Sự tăng trưởng giá trị của thị trường tiêu dùng nhanh (FMCG) năm 2017 đạt 5,3%, cao hơn mức tăng của những năm trước. Ngoài ra, thị trường FMCG ở Việt Nam dự báo sẽ tăng trưởng mạnh mẽ hơn, đạt mức 6,0% đến 7,0% và điều này thể hiện được một bức tranh tổng quan khắc họa mức độ cạnh tranh khốc liệt trên thị trường khi có sự tham gia của các công ty đa quốc gia.

Đối mặt với bối cảnh nền kinh tế ngày càng năng động và phát triển, hoạt động kinh doanh của chúng tôi được định hình bởi các động lực phát triển khác nhau. Thị trường dầu ăn mỗi năm tăng trưởng 6,0% đạt khoảng 29.000 tỷ đồng, trong đó, phân khúc dầu ăn và chất béo, dầu thực vật và dầu chiết xuất từ các loại hạt vẫn chiếm vị trí lớn nhất với hơn 90%. Chúng tôi nhận thấy xu hướng tiêu dùng sản phẩm ở phân khúc cao cấp cùng nhận thức của người tiêu dùng về sức khỏe khi sử dụng những sản phẩm dầu ăn có giá trị cao ngày càng tăng lên. Sự phát triển mạnh mẽ cho xu hướng dịch chuyển này không chỉ diễn ra tại các khu vực thành thị mà đã lan rộng đến khu

THỊ TRƯỜNG NGÀNH  
DẦU ĂN ĐẠT KHOẢNG

**29.000**  
TỶ ĐỒNG



vực nông thôn. Điều này tiếp tục là động lực chính của chúng tôi trong ngành dầu ăn những năm tới.

Thị trường kem, sữa chua và thực phẩm đông lạnh đạt mức tăng trưởng 6,2% trong năm 2017, với giá trị thị trường khoảng 18.000 tỷ đồng. Mức thu nhập của người dân tăng lên kèm theo sự gia tăng tốc độ đô thị hóa được dự báo sẽ kéo theo mức độ tiêu thụ kem ở phân khúc cao cấp, điều này cũng sẽ dẫn thay đổi thói quen của người tiêu dùng trong mảng thực phẩm đông lạnh. Đáng chú ý, trong vài năm gần đây chúng tôi nhận thấy tần suất người tiêu dùng đi mua sắm ngày càng ít đi và thay vào đó, họ chi tiêu nhiều hơn cho mỗi lần mua sắm. Chúng tôi nhận định, người tiêu dùng có xu hướng dự trữ nhiều sản phẩm hơn và do vậy số lần mua sắm sẽ giảm xuống. Tại Việt Nam, văn hóa người tiêu dùng Việt

là đi chợ mỗi ngày, tuy nhiên, tần suất đang giảm xuống cho mỗi ba ngày hoặc thậm chí là 1 tuần. Sự dịch chuyển này đang dẫn thay đổi hành vi tiêu dùng trên thị trường bán lẻ và sẽ thúc đẩy sự tăng trưởng mạnh mẽ hơn ở kênh bán hàng hiện đại.

Do đó, với sự dịch chuyển trong thói quen mua sắm của người tiêu dùng, chúng tôi thấy được cơ hội phát triển trong mảng thực phẩm đông lạnh. Hoạt động kinh doanh mảng kem sẽ là nền tảng vững chắc để chúng tôi thâm nhập vào lĩnh vực thực phẩm đông lạnh. Nhờ vào sự dịch chuyển trên, chúng tôi nhận định ngành thực phẩm đông lạnh và mát sẽ là mảng thực phẩm lớn mà Công ty hướng đến và mở rộng phát triển nhằm mang lại cho khách hàng “sự trải nghiệm”.



## ĐÁNH GIÁ CỦA PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH (tiếp theo)



DOANH THU THUẦN

**7.016**

TỶ ĐỒNG

### DOANH THU THUẦN

Doanh thu thuần của Tập đoàn KIDO tăng hơn gấp đôi từ 2.239 tỷ đồng năm 2016 lên đến 7.016 tỷ đồng trong năm 2017 sau khi hợp nhất hai công ty là Vocarimex và TAC. Doanh thu thuần của KDF tăng 6,9% và đạt khoảng 1.493 tỷ đồng. Mảng kem đạt mức tăng trưởng 15,7% cao hơn mức tăng trưởng bình quân của ngành 14,7%. Tốc độ tăng trưởng của mảng sữa chua giảm 22,9% từ 355 tỷ đồng xuống còn 274 tỷ đồng, do ảnh hưởng trực tiếp từ việc giảm doanh thu từ sản phẩm sữa chua đá. KDF đang vượt qua thử thách này bằng cách đa dạng các dòng sản phẩm sữa chua đá với các đặc điểm đặc biệt nhằm gia tăng giá trị. Mục tiêu là tạo ra được một danh mục sản phẩm linh hoạt nhằm gia tăng tính cạnh tranh. Doanh thu thuần mảng sữa chua hủ duy trì ổn định ở mức 113 tỷ đồng và không thay đổi so với năm trước. Mảng thực phẩm đông lạnh tiếp tục đà tăng trưởng tích cực đạt mức 76,6% nhờ vào sự ra mắt các loại sản phẩm bánh bao và khoai tây chiên đông lạnh. Chúng tôi tiếp tục dự kiến sự tăng trưởng ở mảng này trong giai đoạn kế tiếp như là một phần trong chiến lược phát triển của chúng tôi khi gia tăng danh mục sản phẩm và tận dụng được hệ thống phân phối sẵn có. Doanh thu thuần của TAC tăng 9,0% và đạt 4.338 tỷ đồng nhờ vào việc tái cấu trúc danh mục sản phẩm, hướng đến khai thác phân khúc cao cấp và tận dụng được hệ thống phân phối rộng khắp của Tập đoàn. TAC hướng đến việc cao cấp hóa các sản phẩm nhằm thâm nhập sâu hơn ở thị trường miền Bắc. Xu hướng này sẽ thúc đẩy sự tăng trưởng của chúng tôi vào năm 2018.



LỢI NHUẬN GỘP

**1.453**

TỶ ĐỒNG

### LỢI NHUẬN GỘP

Lợi nhuận gộp của Tập đoàn tăng mạnh từ 872 tỷ đồng lên 1.453 tỷ đồng do hợp nhất hai công ty là TAC và Vocarimex. Về KDF, lợi nhuận gộp tăng 1,8% từ 783 tỷ đồng năm 2016 lên 797 tỷ đồng năm 2017 nhờ vào việc KDF tập trung phát triển sản phẩm ở phân khúc cao cấp, dưới thương hiệu Celano; tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận gộp không bằng sự tăng lên của chi phí khấu hao từ nhà máy Bắc Ninh ở Hà Nội. Ngoài ra, biên lợi nhuận gộp của TAC tăng từ 9,4% đến 13,0%, dẫn đến lợi nhuận gộp trong năm 2017 tăng lên 564 tỷ đồng. Điều này do việc tái cấu trúc danh mục sản phẩm của TAC và hướng đến khai thác các sản phẩm ở phân khúc cao cấp.



CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

**1.519**

TỶ ĐỒNG

### CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

Trong năm 2017, chúng tôi đã tập trung vào việc xác định cách thức và quá trình vận hành nhằm tạo nền tảng thống nhất cho hệ thống phân phối. Hiện tại, với hệ thống phân phối đã hoàn thiện, chúng tôi sẵn sàng để phân phối bất kỳ sản phẩm nào thông qua 450.000 điểm bán ở kênh truyền thống và 70.000 điểm bán sản phẩm đông lạnh và mát có nhiệt độ bảo quản từ -10 độ C đến hơn 10 độ C. Đây sẽ là hệ thống phân phối tối ưu nhất



VỐN CHỦ SỞ HỮU

**7.817**

TỶ ĐỒNG



TIỀN VÀ CÁC KHOẢN  
TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI TIỀN

**1.808**

TỶ ĐỒNG



CỔ TỨC TRÊN MỖI CỔ PHIẾU

**1.600**

ĐỒNG

Việt Nam và chúng tôi tin rằng sự tăng trưởng của KDC trong tương lai sẽ đảm bảo chúng tôi có đủ năng lực phát triển danh mục sản phẩm đa dạng thông qua chiến lược cung cấp ngày càng nhiều sản phẩm trong giỏ hàng hóa của người tiêu dùng thay vì theo danh mục sản phẩm đơn lẻ. Chi phí hoạt động hợp nhất là 1.519 tỷ đồng, tăng 56,2% so với năm ngoài. Điều này là do sự hợp nhất với hai công ty là TAC và Vocarimex nhưng hơn thế nữa, chúng tôi tiếp tục đầu tư vào hệ thống phân phối của KDF và TAC nhằm chuẩn bị cho sự tăng trưởng trong tương lai. Lợi nhuận tăng lên khoảng 99 tỷ đồng do tiết kiệm được các khoản chi phí không cần thiết của TAC và Vocarimex sau khi hợp nhất.

### CƠ CẤU VỐN

Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu của Tập đoàn nằm trong mức an toàn là 0,3 lần. Chúng tôi hiện có hai khoản nợ vay dài hạn chính là cho việc xây dựng nhà máy Bắc Ninh của KDF (259 tỷ đồng) và khoản trái phiếu thường phát hành bởi KDC sẽ được hoàn trả vào năm 2021 (594 tỷ đồng). Khoản nợ vay còn lại là ngắn hạn và phục vụ cho nhu cầu vốn lưu động của từng công ty thành viên.

Tổng vốn chủ sở hữu năm 2017 tăng 20,1% và đạt khoảng 7.817 tỷ đồng do sự tăng trưởng lợi nhuận. Tập đoàn đã thực hiện chi trả 1.600 đồng/cổ phiếu vào tháng 8 năm 2017.

### TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI TIỀN

Tiền và các khoản tương đương với tiền tăng từ 1.683 tỷ đồng lên 1.808 tỷ đồng, thể hiện sự tăng trưởng 7,4% so với năm 2016. EBITDA của Tập đoàn là 231 tỷ đồng, tăng 1.128,6% vào năm 2017 so với năm 2016. Đây là kết quả trực tiếp cho việc hợp nhất cả TAC và Vocarimex vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

### LỢI NHUẬN CỦA CỔ ĐÔNG

Chiến lược của Tập đoàn là cam kết mang lại lợi ích bền vững cho cổ đông trong dài hạn. Điều này được thể hiện qua chính sách cổ tức của Tập đoàn trong vòng sáu năm qua với cổ tức trên mỗi cổ phiếu từ 833 đồng năm 2012 lên đến 1.600 đồng năm 2017. Hơn thế nữa, biên tổng lợi nhuận cho cổ đông của KDC cao hơn biên lợi nhuận từ thị trường mang lại cho giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2017, với tỉ lệ là 376%.

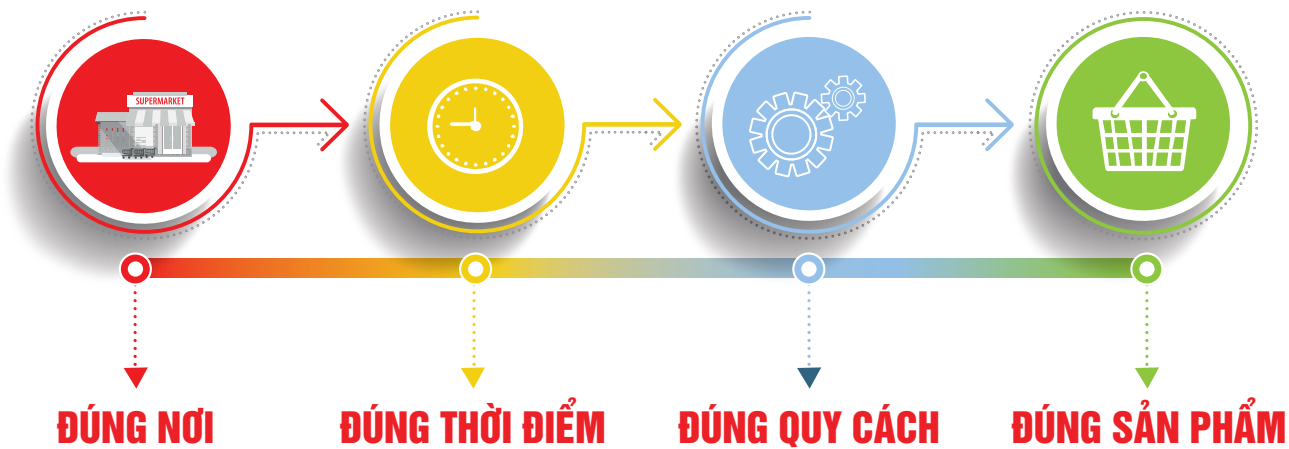
### KELLY WONG

Phó Tổng Giám đốc Tài chính Tập đoàn

## CHIẾN LƯỢC TẬP ĐOÀN

Chiến lược của Tập đoàn được xây dựng dựa trên năng lực phân phối tất cả các sản phẩm đa dạng từ đông lạnh đến thực phẩm đóng gói, có vòng đời sản phẩm từ ngắn đến dài. Đặc biệt, mục tiêu chiến lược mà chúng tôi hướng đến là xây dựng thành công giỏ hàng hóa đa dạng nhằm mang đến cho người tiêu dùng Việt Nam những trải nghiệm quý giá như được cung cấp đúng sản phẩm, đáp ứng đúng nhu cầu, vào đúng thời điểm, ở đúng nơi và đúng quy cách.

Mục tiêu chính của chúng tôi không chỉ hướng đến việc mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh của Tập đoàn mà còn mong muốn thiết kế giỏ hàng hóa tiện lợi với danh mục sản phẩm đa dạng phục vụ người tiêu dùng.

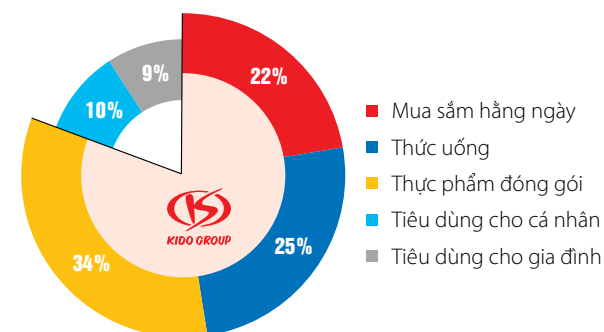


Chúng tôi không chỉ nỗ lực đa dạng hóa sản phẩm trong mỗi giỏ hàng hóa. Với hệ thống phân phối lớn mạnh, chúng tôi hoàn toàn có thể mở rộng gia tăng danh mục sản phẩm để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng thiết yếu mỗi tháng, mỗi tuần, mỗi ba ngày và mỗi ngày. Từ đó, có thể đảm bảo rằng các sản phẩm của chúng tôi đang chiếm

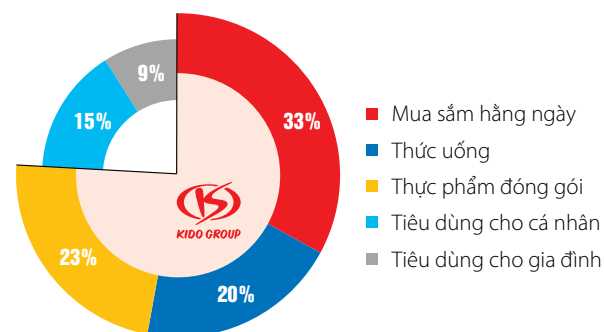
lĩnh phần lớn chi tiêu của người tiêu dùng trong phân khúc tiêu dùng thiết yếu của mảng Thực phẩm và Đồ uống.

Bên cạnh đó, thông qua nền tảng phân phối chuyên biệt, chúng tôi tham vọng sẽ chiếm lĩnh ít nhất 76% chi tiêu của người tiêu dùng.

Nhu cầu tiêu dùng của người dân vùng nông thôn



Nhu cầu tiêu dùng của người dân vùng thành thị



# CHIẾN LƯỢC NGÀNH HÀNG



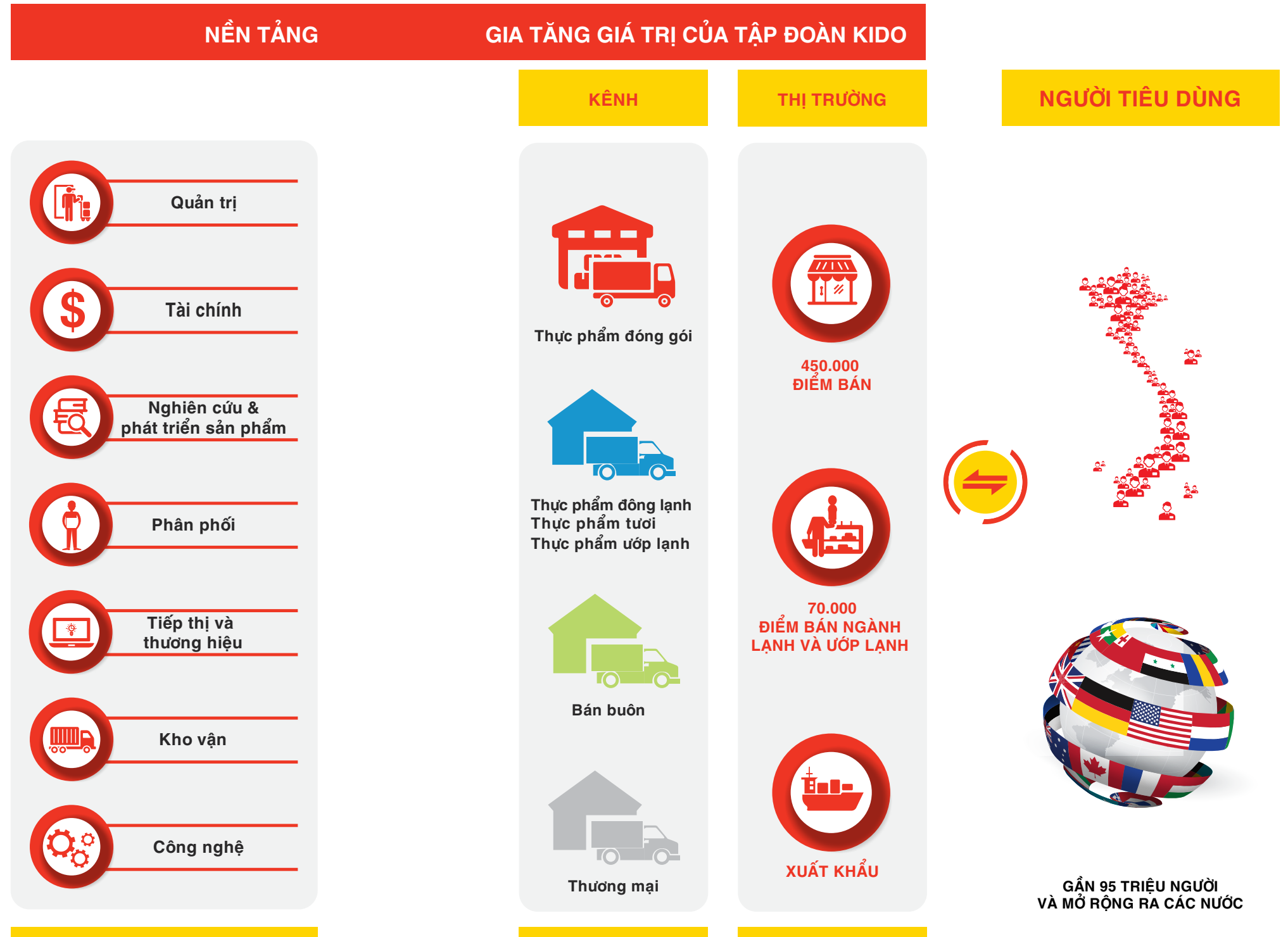
Sự phát triển trong chiến lược sản phẩm của Tập đoàn chính là yếu tố quyết định tạo nên sự khác biệt trong chiến lược phát triển của chúng tôi so với các đối thủ trên thị trường. Chúng tôi không còn là công ty sản xuất riêng lẻ mà đã tích hợp năng lực của Tập đoàn để xây dựng nên giỏ hàng hóa “phù hợp - right” vô cùng quan trọng. Trước đây, chúng tôi bị giới hạn trong ngành hàng Thực phẩm Bánh kẹo, phụ thuộc quá nhiều vào mùa vụ và đối tượng khách hàng cũng rất hạn chế. Sau khi bước vào giai đoạn phát triển Chiến lược “Thực phẩm & Gia vị” và cho ra mắt các sản phẩm thiết yếu hằng ngày, đến gần hơn với trái tim của bà nội trợ Việt và chinh phục gian bếp của mọi nhà. Vào giai đoạn cuối của quá trình chuyển đổi lấy người tiêu dùng làm trung tâm, Tập đoàn hiện đang phát triển chiến lược sản phẩm “Thực phẩm thiết yếu”. Chiến lược này được xây dựng dựa trên năng lực của Tập đoàn nhằm mang đến cho người tiêu dùng những trải nghiệm độc đáo thông qua giỏ hàng hóa gồm những sản phẩm đáp ứng đúng nhu cầu, vào đúng thời điểm, ở đúng nơi và đúng quy cách. Đây sẽ là hướng phát triển trong những năm tới nhằm đa dạng hóa danh mục sản phẩm thông qua việc đẩy mạnh đầu tư nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, tăng cường hợp tác với các đối tác giàu kinh nghiệm. Điều này sẽ hỗ trợ tích cực cho việc gia tăng tỷ lệ thâm nhập vào thị trường Việt Nam, giúp Công ty nhanh chóng nắm bắt xu hướng đô thị hóa, mở rộng phân khúc khách hàng và gia tăng năng lực phân phối. Với lợi thế cạnh tranh chính của chúng tôi là mạng lưới hệ thống phân phối vững mạnh, cho phép chúng tôi có thể phân phối các sản phẩm mới vào hệ thống bán hàng và xác định những sản phẩm mang lại hiệu quả kinh doanh để tối ưu hóa lợi nhuận.



## MÔ HÌNH KINH DOANH



THÁCH THỨC LỚN NHẤT ĐỐI VỚI CHIẾN LƯỢC “THỰC PHẨM THIẾT YẾU” LÀ NĂNG LỰC PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỘT CÁCH NHANH CHÓNG VÀ HIỆU QUẢ VỀ MẶT CHI PHÍ. RỦI RO NÀY ĐƯỢC CHÚNG TÔI KIỂM SOÁT BỞI MÔ HÌNH KINH DOANH ĐƯỢC TÁCH BIỆT GIỮA QUÁ TRÌNH CHUYỂN ĐỔI GIÁ TRỊ VÀ HÌNH THÀNH GIÁ TRỊ.



## MÔ HÌNH KINH DOANH (tiếp theo)

### CHUYỂN ĐỔI GIÁ TRỊ

Quá trình chuyển đổi giá trị hiện vẫn được xây dựng dựa trên năng lực sản xuất nội bộ của Tập đoàn, vì vậy việc mở rộng đa dạng hóa danh mục sản phẩm không thể tiến hành nhanh chóng như mong muốn. Rào cản lớn nhất chúng tôi đang gặp phải là phát triển được những danh mục sản phẩm có thể đáp ứng đúng nhu cầu của người tiêu dùng, điều này phần nào giới hạn khả năng phân bổ nguồn lực của chúng tôi trong việc gia tăng năng lực sản xuất. Do đó, chúng tôi chủ động đa dạng hóa ngành hàng dựa trên hợp tác liên doanh với các nhà sản xuất OEM hoặc thực hiện liên kết với các đối tác chiến lược nhằm mở rộng phân phối, đa dạng danh mục sản phẩm đến người tiêu dùng, hỗ trợ tích cực cho việc xác định nhu cầu của người tiêu dùng tại nhiều thị trường khác nhau trước khi nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới.

### HÌNH THÀNH GIÁ TRỊ

Hình thành giá trị sẽ tiếp tục là sức mạnh cốt lõi mà Tập đoàn hướng đến. Chúng tôi đẩy mạnh phát triển, kiểm soát các hoạt động kinh doanh chủ đạo như nghiên cứu và phát triển sản phẩm nhằm đáp ứng đúng nhu cầu người tiêu dùng tại các khu vực, vùng miền khác nhau, tăng cường các hoạt động mở rộng, kiểm soát kho bãi, thị trường, thương hiệu, quảng bá và hệ thống phân phối sản phẩm. Chúng tôi đảm bảo rằng các sản phẩm của Tập đoàn đều được phân phối đến tận tay người tiêu dùng một cách hiệu quả nhất dựa trên nền tảng phân phối độc đáo, chuyên biệt với hơn 450.000 điểm bán lẻ thuộc ngành hàng khô và 70.000 điểm bán thuộc ngành hàng lạnh.

Mô hình kinh doanh này cho phép chúng tôi linh động trong quá trình sản xuất và tích hợp hiệu quả năng lực của mỗi đơn vị thành viên trong chuỗi giá trị của toàn Tập đoàn. Mục tiêu cuối cùng là tạo ra giỏ hàng hóa phù hợp với nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng.



## CHIẾN LƯỢC NỀN TẢNG



**CHIẾN LƯỢC NỀN TẢNG CỦA CHÚNG TÔI ĐƯỢC TẠO THÀNH DỰA TRÊN 5 YẾU TỐ: NGƯỜI TIÊU DÙNG, NGÀNH HÀNG, KÊNH PHÂN PHỐI, MỞ RỘNG RA CÁC NƯỚC VÀ VỐN.**



### NGƯỜI TIÊU DÙNG

**CHIẾN LƯỢC “THỰC PHẨM THIẾT YẾU” ĐƯỢC XÂY DỰNG VỚI ƯU TIÊN HÀNG ĐẦU HƯỚNG ĐẾN NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Mục tiêu của chiến lược “Thực phẩm thiết yếu” là mang đến cho người tiêu dùng những trải nghiệm độc đáo thông qua việc phân phối đúng sản phẩm, vào đúng thời điểm, ở đúng nơi, đúng quy cách. Và đặc biệt hơn, chiến lược này hỗ trợ tích cực cho nhu cầu mua sắm của người tiêu dùng ngày nay khi hành vi mua sắm đã bắt đầu có sự thay đổi từ việc giảm dần tần suất mua sắm và thay vào đó, người tiêu dùng bắt đầu chi tiêu nhiều hơn cho mỗi lần mua hàng.

Chiến lược “Thực phẩm thiết yếu” được phát triển dựa trên chiến lược Thực phẩm & Gia vị của Tập đoàn nhằm gia tăng khả năng tiếp cận của Tập đoàn đối với người tiêu dùng. Người tiêu dùng là một trong những ưu tiên hàng đầu mà chúng tôi hướng đến, do đó, mọi sự tăng trưởng mà chúng tôi hướng đến đều được linh hoạt điều chỉnh để thích nghi với những biến đổi của thị trường. Chúng tôi tin rằng sự hài lòng trong những trải nghiệm thực của khách hàng về sản phẩm và dịch vụ mà chúng tôi mang đến chính là yếu tố cốt lõi giúp chúng tôi hiện thực hóa chiến lược này.



### NGÀNH HÀNG

**KHÔNG CHỈ LÀ PHÁT TRIỂN MỘT NGÀNH HÀNG, CHÚNG TÔI HƯỚNG ĐẾN XÂY DỰNG MỘT GIỎ HÀNG HÓA ĐA DẠNG DANH MỤC SẢN PHẨM CÓ THỂ ĐÁP ỨNG ĐƯỢC NHU CẦU CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Sự kết hợp của KDC, TAC, KDF và VOC đã tạo nên một nền tảng thống nhất có thể mang đến cho người tiêu dùng những trải nghiệm toàn diện. Mục tiêu chính của chúng tôi là không chỉ phát triển những ngành hàng riêng lẻ mà có thể cung cấp một giỏ hàng hoá đa dạng cho người tiêu dùng.

Đánh giá về xu hướng phát triển của thị trường tiêu dùng, chúng tôi nhận thấy hành vi mua sắm của người tiêu dùng đã có nhiều sự thay đổi và sẽ tiếp tục biến đổi năng động cùng với nhịp sống hiện đại. Luôn đặt người tiêu dùng lên vị trí hàng đầu để phục vụ, chúng tôi đã chủ động mở rộng Chiến lược Sản phẩm để phát triển mục tiêu chiến lược “Thực phẩm thiết yếu” ở một tầm cao mới, đồng nghĩa với việc chúng tôi đang quyết định lựa chọn ngành hàng và thiết kế đúng danh mục sản phẩm, hướng đến mục tiêu mang đến cho người tiêu dùng những trải nghiệm độc đáo về cả hương vị sản phẩm và dịch vụ cung ứng.



### KÊNH

**NỀN TẢNG CỦA CHÚNG TÔI VẪN LÀ KÊNH PHÂN PHỐI VÀ NĂNG LỰC VẬN HÀNH**

Trong khi trọng tâm của mô hình kinh doanh nằm ở người tiêu dùng thì kênh phân phối và năng lực vận hành được xem là phần quan trọng nhất của hệ thống. Nền tảng phát triển của chúng tôi vẫn tập trung vào năng lực phân phối và khả năng cung cấp danh mục sản phẩm đa dạng, phù hợp đến với người tiêu dùng. Bằng nền tảng kênh phân phối lớn mạnh hiện có, chúng tôi dễ dàng phân phối đến tận tay người tiêu dùng những sản phẩm đa dạng từ thực phẩm đông lạnh đến thực phẩm đóng gói một cách nhanh chóng, an toàn và tiện lợi. Có thể khẳng định, đây chính là nền tảng phát triển mang đến thành công của chúng tôi và thiết lập lợi thế cạnh tranh của Tập đoàn KIDO so với đối thủ cạnh tranh.



### MỞ RỘNG RA CÁC NƯỚC

**DỰA VÀO THẾ MẠNH NỀN TẢNG SẴN CÓ, KẾT HỢP VỚI CHIẾN LƯỢC “NGƯỜI TIÊU DÙNG & SỰ TIỆN LỢI” ĐỂ SỰ TRẢI NGHIỆM CÁC SẢN PHẨM CỦA TẬP ĐOÀN KHÔNG CHỈ GIỚI HẠN Ở PHẠM VI NGƯỜI TIÊU DÙNG VIỆT NAM**

Chúng tôi tăng cường thúc đẩy hiệu quả của mô hình kinh doanh tập trung vào kênh phân phối và đa dạng hóa danh mục các sản phẩm. Với sự hội nhập nhanh chóng của thị trường khu vực, cùng với việc giảm thuế quan, chúng tôi hiểu rằng việc cạnh tranh từ bên ngoài nhắm vào nước có dân số lớn như Việt Nam là điều không thể tránh.

Để liên kết chặt chẽ và gia tăng cơ hội hội nhập sâu rộng trong tương lai, Tập đoàn sẽ phải thay đổi quan điểm nhận định về thị trường. Tại Việt Nam, hơn 95,5 triệu dân số, trong đó chúng tôi đang hướng đến phục vụ 85% người dân thông qua những sản phẩm dinh dưỡng, tiện dụng và nền tảng phân phối lớn mạnh. Tuy nhiên với rào cản thuế quan giảm và mức độ hội nhập thị trường ngày càng mạnh mẽ, áp lực cạnh tranh sẽ tạo ra một thị trường rộng lớn với hơn 600 triệu khách hàng trong toàn khu vực Đông Nam Á.



### VỐN

**THÀNH CÔNG MÀ CHÚNG TÔI ĐẠT ĐƯỢC LÀ NHỜ VÀO VIỆC THỰC HIỆN CÁC THƯƠNG VỤ MUA BÁN & SÁP NHẬP (M&A) VÀ THỂ HIỆN NĂNG LỰC CỦA TẬP ĐOÀN TRONG QUYẾT ĐỊNH PHÂN BỐ VỐN**

Tham gia vào ngành “Thực phẩm & Gia vị” là chiến lược quan trọng trong giai đoạn mới. Thành công mà chúng tôi đạt được là nhờ vào việc thực hiện các thương vụ Mua bán & Sáp nhập (M&A) và thể hiện năng lực của Tập đoàn trong quyết định phân bổ vốn. Chúng tôi đã phát triển từ một doanh nghiệp mang tính thời vụ trở thành một doanh nghiệp có khả năng kết nối với người tiêu dùng mỗi ngày, mỗi ba ngày, mỗi tuần. Khi chúng tôi đẩy mạnh phát triển chiến lược “Thực phẩm thiết yếu”, việc phân bổ vốn trở nên quan trọng hơn khi chúng tôi hướng đến mục tiêu xây dựng giỏ hàng tiện dụng với đa dạng danh mục sản phẩm đáp ứng nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng. Chúng tôi sẽ luôn nâng cao trách nhiệm trong các hoạt động đầu tư và phân bổ vốn để đảm bảo tăng trưởng lợi nhuận bền vững và lâu dài.



51%

75,44%



65%

## Định hướng tương lai “Thiết kế cho thành công”

Tự hào xây dựng một KIDO Group phát triển bằng nhiều lãnh đạo giỏi, có kinh nghiệm, đường lối đúng đắn và kế hoạch thực thi mang lại hiệu quả tăng trưởng cao. Điều này tạo một bước đệm vững chắc cho KDC vươn lên tầm cao mới.



281 Nhà phân phối



70.000 Điểm bán ngành lạnh



450.000  
Điểm bán lẻ ngành khô



05 Nhà máy



40,2% thị phần ngành kem



85% Dân số Việt Nam



## QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

**KIDO LUÔN ĐẶT LỢI ÍCH CỦA NHỮNG ĐỐI TÁC LÊN HÀNG ĐẦU, BAO GỒM KHÁCH HÀNG, CÁC NHÀ CUNG CẤP, NHÀ PHÂN PHỐI, ĐIỂM BÁN LẺ, NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN.**



### NỀN TẢNG CHÍNH SÁCH

Chúng tôi hiểu rằng mỗi nhóm đối tượng khách hàng đều có mối liên kết với nhau về lợi ích, do vậy cần phải thống nhất trong định hướng và truyền thông để đảm bảo mỗi nhóm đối tượng khách hàng đều hiểu rõ về chiến lược của Tập đoàn.

KIDO đảm bảo hoạt động kinh doanh và các ý tưởng sáng tạo của chúng tôi không những đáp ứng được các kỳ vọng của các nhóm đối tượng khách hàng có lợi ích liên quan, mà còn giúp chúng tôi thích ứng được với những biến đổi của môi trường kinh doanh. Do đó, việc tăng cường cơ cấu quản trị doanh nghiệp sẽ được ưu tiên giúp KIDO gia tăng năng lực quản lý. Bên cạnh đó, việc tập trung tăng cường năng lực quản trị doanh nghiệp cũng sẽ giúp chúng tôi xây dựng được niềm tin, sự minh bạch với các đối tác và trách nhiệm xã hội với cộng đồng.



### CÁC ĐẶC ĐIỂM CỦA CƠ CẤU QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

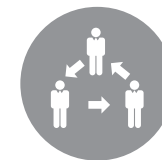
Tập đoàn đã trải qua một quá trình chuyển đổi lớn trong ba năm qua. Trong suốt quá trình đó, mục tiêu của chúng tôi là tạo ra nền tảng vững chắc cho hệ thống và quy trình nhằm mang lại hiệu quả kinh doanh và lợi nhuận. Đặc biệt chú trọng vào việc đơn giản hóa cấu trúc doanh nghiệp để tăng tính minh bạch cũng như hiệu quả trong tất cả các hoạt động.

Cấu trúc Ban Điều hành - EMC theo hình thức “ma trận” tại mỗi Đơn vị kinh doanh (Business Unit), điều này sẽ tăng cường khả năng truyền đạt thông tin trong Tập đoàn và giúp đưa ra các quyết định được nhanh chóng và kịp thời. Được xây dựng dựa trên sự minh bạch giữa các chức năng và trong cả Tập đoàn, cấu trúc chức năng “ma trận” hiệu quả tạo thuận lợi trong quá trình thảo luận và ra các quyết định. Chúng tôi cũng đã sử dụng mô hình Đơn vị Kinh doanh Chiến lược để quản lý các hoạt động kinh doanh.



### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị với 9 thành viên, trong đó có 3 thành viên độc lập. Các thành viên độc lập được lựa chọn từ hàng ngàn ứng viên dựa trên năng lực, kinh nghiệm và bằng cấp chuyên môn.



### HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoạt động giám sát thông qua các báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại cuộc họp báo cáo Quý.

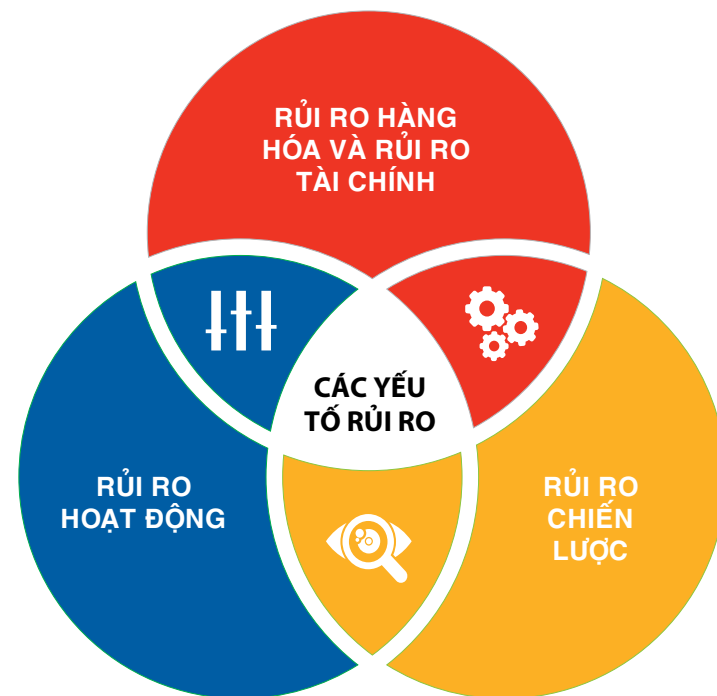


### HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho đến cuối năm 2016, Hội đồng Quản trị Tập đoàn chưa thành lập các tiểu ban.



## QUẢN TRỊ RỦI RO



BÊN CẠNH ĐÓ, CÁC CHÍNH SÁCH, QUY TRÌNH NÀY ĐƯỢC CẬP NHẬT VÀO HỆ THỐNG QUẢN LÝ VÀ THÔNG BÁO RỘNG RÃI TRÊN MẠNG NỘI BỘ CỦA TẬP ĐOÀN. ỦY BAN KIỂM SOÁT NỘI BỘ SẼ THEO SÁT NHẦM KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN.

### QUY TRÌNH KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Tập đoàn và các Đơn vị kinh doanh (BU's) liên tục đánh giá và xác định các rủi ro và cùng làm việc với Ủy ban Quản lý rủi ro nhằm giám sát các rủi ro có thể xảy ra trong Tập đoàn.

Các báo cáo này được trình bày với Ban Điều hành để thảo luận và tính toán các rủi ro tiềm ẩn cũng như xác suất xảy ra và xác định những vấn đề cần được giải quyết.

Các yếu tố rủi ro được phân loại thông qua hệ thống chấm điểm từ mức "Không chắc chắn" đến "Có nguy cơ xảy ra". Những tác động tiềm ẩn được tính toán và xếp hạng từ "Không đáng kể" đến "Nghiêm trọng". Nếu một yếu tố rủi ro tiềm ẩn được xếp hạng "Có thể xảy ra" và có mức đánh giá tác động là "Nghiêm trọng", nó sẽ được báo cáo ngay cho Ủy ban Quản lý Rủi ro để cùng làm việc với Ủy ban Kiểm soát Nội bộ.



CÁC YẾU TỐ RỦI RO ĐƯỢC PHÂN LOẠI THÔNG QUA HỆ THỐNG CHẤM ĐIỂM TỪ MỨC "KHÔNG CHẮC CHẮN" ĐẾN "CÓ NGUY CƠ XẢY RA". NHỮNG TÁC ĐỘNG TIỀM ẨN ĐƯỢC TÍNH TOÁN VÀ XẾP HẠNG TỪ "KHÔNG ĐÁNG KỂ" ĐẾN "NGHIÊM TRỌNG". NẾU MỘT YẾU TỐ RỦI RO TIỀM ẨN ĐƯỢC XẾP HẠNG "CÓ THỂ XẢY RA" VÀ CÓ MỨC ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG LÀ "NGHIÊM TRỌNG", NÓ SẼ ĐƯỢC BÁO CÁO NGAY CHO ỦY BAN QUẢN LÝ RỦI RO ĐỂ CÙNG LÀM VIỆC VỚI ỦY BAN KIỂM SOÁT NỘI BỘ.

Tập đoàn luôn hướng đến đưa ra các biện pháp theo dõi và giảm thiểu rủi ro. Những chính sách, quy trình này sẽ được phổ biến cho Tập đoàn và các BU's để theo dõi tình hình và đảm bảo rằng bất kỳ biến động rủi ro nào cũng sẽ được báo cáo ngay cho Ủy ban.

Hàng năm, các hệ thống giám sát và quản lý rủi ro đều được đánh giá lại bởi Ủy ban Kiểm soát Nội bộ và những thay đổi cần thiết sẽ được thực hiện. Sau quá trình đánh giá, những chính sách mới sẽ được thông qua và triển khai, đồng thời chu trình này lặp lại như trên nhằm đảm bảo rằng việc quản lý rủi ro là một quá trình chủ động. Điều này phù hợp với môi trường kinh tế năng động như Việt Nam.

## QUẢN TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

**DUY TRÌ CÁC CHÍNH SÁCH THẬN TRỌNG TRONG VIỆC MUA HÀNG, QUẢN LÝ VỐN LƯU ĐỘNG, VÀ KIỂM SOÁT CHI PHÍ NHẪM GIẢM THIỂU SỰ BIẾN ĐỘNG KHI NHU CẦU TIÊU DÙNG THAY ĐỔI.**

### RỦI RO CHIẾN LƯỢC

#### RỦI RO KINH TẾ VĨ MÔ, CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI VÀ PHÁP LUẬT

Sự suy thoái kinh tế và các vấn đề chính trị, xã hội ảnh hưởng tiêu cực đến chi tiêu của người tiêu dùng. Tập đoàn theo dõi chặt chẽ những biến đổi trong môi trường kinh tế và chính trị - xã hội trong khu vực để dự đoán những thay đổi trong tâm lý người tiêu dùng. Bên cạnh đó, việc duy trì các chính sách thận trọng trong việc mua hàng, quản lý vốn lưu động, và kiểm soát chi phí nhằm giảm thiểu sự biến động khi nhu cầu tiêu dùng thay đổi.

#### RỦI RO PHỤ THUỘC

Sự phụ thuộc vào một nhà cung cấp, khách hàng, đối tác kinh doanh hoặc sản phẩm cũng mang lại rủi ro. Phụ thuộc quá nhiều vào nhà cung cấp, khách hàng hoặc sản phẩm làm cho doanh nghiệp có thể bị giảm doanh thu và chịu áp lực lợi nhuận. Nhằm giảm thiểu rủi ro này, Tập đoàn đã làm việc với một mạng lưới các nhà cung cấp rộng khắp cả trong và ngoài nước, để đảm bảo sự ổn định trong chuỗi cung ứng và có được nguyên liệu chất lượng nhất. Tập đoàn quản lý mạng lưới phân phối theo cách tương tự, đảm bảo rằng không một nhóm khách hàng nào ở bất kỳ khu vực nào chiếm trên 10% tổng sản lượng hàng bán của chúng tôi.

#### RỦI RO THỰC THI

Sự thay đổi gần đây trong định hướng chiến lược của Tập đoàn có khả năng làm tăng rủi ro trong quá trình thực thi khi chúng tôi bổ sung thêm các sản phẩm mới và các quy trình phân phối để đưa những sản phẩm này ra thị trường. Để giảm thiểu rủi ro này, chúng tôi đã tạo ra một nền tảng hệ thống, quy trình vững chắc, có khả năng tương thích nhanh chóng và chúng tôi tin rằng nó có khả năng ngăn chặn các nguy cơ trong quá trình thực thi.

#### RỦI RO TỪ NHU CẦU TIÊU DÙNG

Khả năng dự báo những thay đổi trong xu hướng và nhu cầu của tiêu dùng là yếu tố quan trọng mang lại thành công. Thất bại trong việc dự đoán xu hướng và nhu cầu sẽ tạo ra những rủi ro đáng kể cho Tập đoàn. Để giảm thiểu rủi ro này, Tập đoàn sử dụng Quá trình Hình thành Giá trị nhằm chủ động quản lý các phản hồi từ người tiêu dùng, giảm thiểu rủi ro đến từ các thay đổi này.

Ngoài ra, sức mạnh và sự gắn kết các mạng lưới cho phép chúng tôi tăng cường khả năng quản trị, giảm thiểu rủi ro trong quá trình triển khai các sản phẩm mới.

Tạo mối quan hệ chặt chẽ với điểm bán lẻ và nhà phân phối cũng là một yếu tố quan trọng để đảm bảo mức độ tiếp cận sản phẩm, mức độ thâm nhập và tăng trưởng về mặt doanh thu.

**THẤT BẠI TRONG VIỆC DUY TRÌ CÁC MỐI QUAN HỆ NÀY SẼ MANG ĐẾN CÁC RỦI RO TIỀM ẨN ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP. ĐỂ GIẢM THIỂU RỦI RO NÀY, CHÚNG TÔI CAM KẾT CUNG CẤP DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG TỐT NHẤT.**

### CÁC RỦI RO HOẠT ĐỘNG

#### RỦI RO QUAN HỆ KHÁCH HÀNG

Thất bại trong việc duy trì các mối quan hệ này sẽ mang đến các rủi ro tiềm ẩn đối với hoạt động của doanh nghiệp. Để giảm thiểu rủi ro này, chúng tôi cam kết cung cấp dịch vụ khách hàng tốt nhất và cùng với nền tảng cơ sở hạ tầng công nghệ, cho phép chúng tôi kết nối chặt chẽ hơn với chuỗi giá trị trong toàn Tập đoàn. Việc kết nối này bao gồm khả năng giám sát mức tồn kho, quy trình bán hàng và phản hồi của người tiêu dùng. Tất cả các điều này tạo ra một hệ thống chặt chẽ giúp tăng cường các mối quan hệ với khách hàng.

#### SỰ BIẾN ĐỘNG CỦA GIÁ NGUYÊN LIỆU THÔ

Sự thay đổi giá nguyên liệu thô là một rủi ro đáng kể đối với lợi nhuận của chúng tôi.

Để giảm thiểu rủi ro này, chúng tôi chia sẻ trách nhiệm quản lý với các nhà cung cấp. Chúng tôi cung cấp cho các nhà cung cấp một kế hoạch rõ ràng về nhu cầu nguyên vật liệu và đưa ra một mức giá cố định trong một khoảng thời gian nhất định nhằm duy trì sự ổn định trong chi phí sản xuất.

### RỦI RO GIÁ HÀNG HÓA, RỦI RO TÀI CHÍNH

#### RỦI RO TIỀN TỆ

Rủi ro tiền tệ là kết quả trực tiếp từ sự chênh lệch nguồn thu ngoại tệ và nguồn vốn vay ngoại tệ. Bằng mọi nguồn lực có thể, chúng tôi tạo ra cơ chế phòng ngừa rủi ro để đảm bảo rằng dòng tiền thu vào đủ để bù đắp các dòng tiền chi ra bằng đô la Mỹ. Khi không thể thực hiện theo cơ chế trên, Tập đoàn sẽ thực hiện bảo hiểm đồng đô la Mỹ.

Những thay đổi trên thị trường tài chính khu vực và toàn cầu có thể có tác động đáng kể đến lãi suất, dẫn đến rủi ro ảnh hưởng đến khả năng sinh lời, tính thanh khoản và lợi nhuận. Để giảm thiểu rủi ro này, chúng tôi chủ động theo dõi kỳ hạn đáo nợ của các khoản vay để cân bằng dòng tiền hoạt động với các khoản chi trả.

#### RỦI RO THANH KHOẢN VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH

Trong trường hợp thị trường bị sụt giảm, tính thanh khoản bị hạn chế làm tăng lãi suất, chúng tôi sẽ chủ động cắt giảm nợ vay bằng cách sử dụng số dư tiền mặt và/hoặc bổ sung các khoản tương đương tiền để tài trợ cho vốn lưu động.

## BÁO CÁO HỌP HĐQT & NGHỊ QUYẾT HĐQT

### HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN QUẢN LÝ

Hội đồng Quản trị giám sát chặt chẽ việc điều hành thông qua các báo cáo quý.

### HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho đến cuối năm 2017, Tập đoàn KIDO vẫn chưa thành lập Ủy ban Hội đồng.

### CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HĐQT

STT	NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG
1	KDC01/2017/NQ-HĐQT	07/04/2017	Quyết định chuyển nhượng một phần cổ phần sở hữu của KDC tại Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông lạnh KIDO ("KDF") và tiến hành thủ tục đăng kí giao dịch cổ phiếu KDF trên sàn UPCoM
2	KDC02/2017/NQ-HĐQT	26/05/2017	Quyết định việc thông qua phương án đầu tư vào Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm DABACO (DABACO FOOD)
3	KDC03/2017/NQ-HĐQT	02/06/2017	Quyết định việc thông qua chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017
4	KDC04/2017/NQ-HĐQT	16/06/2017	Nghị quyết bầu cử thay thế Chủ tọa đoàn Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017
5	KDC05/2017/NQ-HĐQT	06/07/2017	Nghị quyết thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017
6	KDC06/2017/NQ-HĐQT	06/07/2017	Nghị quyết thông qua việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2016
7	KDC07/2017/NQ-HĐQT	07/08/2017	Nghị quyết thông qua việc chuyển nhượng một phần cổ phần sở hữu của KDC tại Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông lạnh KIDO
8	KDC08/2017/NQ-HĐQT	13/11/2017	Nghị quyết thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của KDC tại Công ty TNHH Tân An Phước

STT	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	SỐ LẦN THAM DỰ	% THAM DỰ
1	Trần Kim Thành	Chủ tịch	7/8	88%
2	Trần Lệ Nguyên	Phó Chủ tịch	8/8	100%
3	Wang Ching Hua	Thành viên	8/8	100%
4	Vương Bửu Linh	Thành viên	8/8	100%
5	Nguyễn Gia Huy Chương	Thành viên	8/8	100%
6	Vương Ngọc Xiêm	Thành viên	8/8	100%
7	Trần Quốc Nguyên	Thành viên	8/8	100%
8	Nguyễn Văn Thuận	Thành viên	8/8	100%
9	Nguyễn Đức Trí	Thành viên	8/8	100%

### CÁC CUỘC HỌP CỦA HĐQT VÀ BKS

STT	NGÀY	NỘI DUNG
1	07/04/2017	Quyết định chuyển nhượng một phần cổ phần sở hữu của KDC tại Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông lạnh KIDO ("KDF") và tiến hành thủ tục đăng kí giao dịch cổ phiếu KDF trên sàn UPCoM
2	26/05/2017	Quyết định việc thông qua phương án đầu tư vào Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm DABACO (DABACO FOOD)
3	02/06/2017	Quyết định việc thông qua chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017
4	16/06/2017	Nghị quyết bầu cử thay thế Chủ tọa đoàn Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017
5	06/07/2017	Nghị quyết thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017
6	06/07/2017	Nghị quyết thông qua việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2016
7	07/08/2017	Nghị quyết thông qua việc chuyển nhượng một phần cổ phần sở hữu của KDC tại Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông lạnh KIDO
8	13/11/2017	Nghị quyết thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của KDC tại Công ty TNHH Tân An Phước

# Khẳng định uy tín từ những lời cam kết

Mục tiêu của Tập đoàn KIDO là phục vụ tối đa cho giỏ hàng của người tiêu dùng bằng cách chọn lựa và mang đến những sản phẩm chất lượng, phù hợp, đáp ứng đúng nhu cầu tiêu dùng trong suốt cả ngày. Đồng thời, chúng tôi tập trung ngày càng hoàn thiện kênh phân phối, đảm bảo đưa sản phẩm chất lượng đến tận tay người tiêu dùng. Ưu tiên hàng đầu của Tập đoàn là phối hợp chặt chẽ cùng các đối tác để bảo đảm rằng người tiêu dùng sẽ lựa chọn, sử dụng những sản phẩm chất lượng của chúng tôi với mức độ hài lòng cao nhất.



## TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP

### TẦM NHÌN

**TRONG SUỐT LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN, CAM KẾT VỀ TRÁCH NHIỆM DOANH NGHIỆP ĐƯỢC TẬP ĐOÀN KIDO THỰC HIỆN TRÊN TẤT CẢ CÁC LĨNH VỰC. CHÚNG TÔI XEM TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP LÀ MỘT TRONG CÁC GIÁ TRỊ CỐT LÕI TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG.**

**TẬP ĐOÀN KIDO THỰC HIỆN TRÊN TẤT CẢ CÁC LĨNH VỰC TỪ SẢN XUẤT, PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM, CHĂM LO ĐỜI SỐNG CBCNV VÀ ĐẾN VIỆC ĐÓNG GÓP CHO CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI BẰNG TÂM HUYẾT CỦA CẢ ĐỘI NGŨ.**

TỔNG SỐ TIỀN MÀ TẬP ĐOÀN KIDO  
ĐÃ ỦNG HỘ TỪ NĂM 2012 ĐẾN  
NĂM 2017

**5,877**  
TỶ ĐỒNG

Những nỗ lực này đã được thể hiện thông qua việc cung cấp các sản phẩm an toàn và chất lượng cao, dịch vụ bán hàng tận tâm và đáng tin cậy cũng như tích cực tổ chức, tham gia cùng các chương trình thiện nguyện. Tổng số tiền mà Tập đoàn KIDO đã ủng hộ từ năm 2012 đến năm 2017 là 5,877 tỷ đồng. Đặc biệt, chúng tôi thực hiện tài trợ cho các nạn nhân gặp thiên tai, tài trợ phẫu thuật mắt, tài trợ mổ tim cho bệnh nhi mắc bệnh tim bẩm sinh và tặng thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo, tặng quà Tết cho trẻ mồ côi, khuyết tật, hỗ trợ các chương trình giáo dục & phát triển tài năng, cùng nhiều hoạt động xã hội khác. Tất cả những điều này là minh chứng cho cam kết mạnh mẽ của toàn Tập đoàn đối với cộng đồng và xã hội giúp KIDO đem lại cho đối tác niềm tin, đảm bảo sự hài lòng cho khách hàng, sự gắn bó bền vững với nhà cung cấp và sự tin yêu của người tiêu dùng.

## CAM KẾT



### CAM KẾT CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

Với KIDO, chất lượng sản phẩm không chỉ là việc sản xuất ra các sản phẩm phù hợp khẩu vị, đúng sở thích mà còn phải tốt cho sức khỏe người tiêu dùng. KIDO không ngừng nỗ lực tìm nguồn nguyên liệu an toàn, chất lượng và ổn định, đầu tư công nghệ hiện đại, hệ thống quản lý chất lượng chuẩn mực nhằm liên tục tạo ra những sản phẩm mới, độc đáo, an toàn, thơm ngon, dinh dưỡng, thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của mọi đối tượng khách hàng.



### CAM KẾT PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Chúng tôi cho rằng một tổ chức chỉ có thể phát triển bền vững trong một môi trường bền vững. Chúng tôi luôn ý thức và thực hiện nghiêm ngặt những tiêu chí sản xuất xanh sạch. Các nỗ lực của KIDO nhằm bảo vệ môi trường luôn được các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường, các đoàn thể, cộng đồng địa phương ghi nhận và đánh giá cao.

- Quản lý sản xuất theo các tiêu chuẩn ISO 14001:2005, OHSAS 18001:2008, ISO 9001:2008, ISO 22000:2010...
- Áp dụng các quy định, quy trình, gắn mục tiêu bảo vệ môi trường vào KPIs của các cá nhân, thường xuyên huấn luyện nhân viên để nâng cao ý thức về môi trường, thực hành các biện pháp ứng phó với các sự cố ảnh hưởng đến môi trường.
- Luôn tuân thủ nghiêm ngặt và thực hiện tốt các tiêu chuẩn, quy định về bảo vệ môi trường: Nước thải luôn đạt loại A, quan trắc môi trường tốt, sử dụng nhiên liệu sạch như dầu diesel, khí gas tự nhiên ít phát thải ô nhiễm môi trường, đầu tư lắp đặt máy biến tần cho các thiết bị điện áp cao, sử dụng năng lượng mặt trời thay thế các thiết bị chiếu sáng bằng đèn LED, giảm lượng nước thải và tái sử dụng nước thải đã xử lý...



### CAM KẾT VÌ CỘNG ĐỒNG

Thành công đáng tự hào của KIDO không chỉ phản ánh ở kết quả kinh doanh tăng trưởng vững mạnh mà là ở sự đồng hành, tin tưởng, ủng hộ của các đối tác, cổ đông - nhà đầu tư, người tiêu dùng, cộng đồng và người lao động trong suốt hành trình.

Người tiêu dùng tin tưởng, ủng hộ sản phẩm của KIDO vì chúng tôi là thương hiệu gắn liền cùng chất lượng và những giá trị nhân văn thông qua các hoạt động chia sẻ cùng cộng đồng, đóng góp cho xã hội được thực hiện liên tục trong nhiều năm qua. Đối tác, nhà đầu tư tin tưởng KIDO vì chúng tôi luôn hoạt động kinh doanh với một chữ tâm bền vững và sâu sắc.

Nhằm góp phần bảo vệ môi trường, Báo cáo thường niên 2017 của KIDO được in với số lượng có hạn và sử dụng loại giấy thân thiện với môi trường. Vì vậy, khi không còn nhu cầu sử dụng, Quý vị vui lòng chuyển cho những người có quan tâm. Ngoài ra, Báo cáo thường niên 2017 của KIDO còn được công bố bằng phiên bản điện tử, Quý vị quan tâm vui lòng truy cập website: [www.kdc.vn](http://www.kdc.vn)

# Nhân bản giá trị phát huy vị thế dẫn đầu

Hình thành giá trị tiếp tục là sức mạnh cốt lõi mà Tập đoàn KIDO hướng đến. Chúng tôi đẩy mạnh phát triển và nâng cao hệ thống quản trị, gia tăng tiện ích cho người tiêu dùng, tạo dựng giá trị ngay trong định hướng và kế hoạch thực thi, KIDO Group đã tiếp tục tạo nên giá trị và phát huy vị thế dẫn đầu.





## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

### **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
Thông tin chung	64 - 65
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	66
Báo cáo kiểm toán độc lập	67
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	68 - 70
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	71
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	72 - 73
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	74 - 127



## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4103001184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 9 năm 2002, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 39/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 11 năm 2005.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán buôn thực phẩm và mua bán nông sản thực phẩm.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<b>Ông Trần Kim Thành</b>	Chủ tịch
<b>Ông Trần Lệ Nguyên</b>	Phó Chủ tịch
<b>Ông Wang Ching Hua</b>	Thành viên
<b>Bà Vương Bửu Linh</b>	Thành viên
<b>Bà Vương Ngọc Xiêm</b>	Thành viên
<b>Ông Trần Quốc Nguyên</b>	Thành viên
<b>Ông Nguyễn Văn Thuận</b>	Thành viên
<b>Ông Nguyễn Gia Huy Chương</b>	Thành viên
<b>Ông Nguyễn Đức Trí</b>	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<b>Ông Lương Quang Hiến</b>	Trưởng ban
<b>Bà Lương Mỹ Duyên</b>	Thành viên
<b>Ông Võ Long Nguyên</b>	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<b>Ông Trần Lệ Nguyên</b>	Tổng Giám đốc
<b>Bà Vương Bửu Linh</b>	Phó Tổng Giám đốc
<b>Bà Vương Ngọc Xiêm</b>	Phó Tổng Giám đốc
<b>Ông Wang Ching Hua</b>	Phó Tổng Giám đốc
<b>Ông Nguyễn Xuân Luân</b>	Phó Tổng Giám đốc
<b>Ông Mai Xuân Trầm</b>	Phó Tổng Giám đốc
<b>Ông Bùi Thanh Tùng</b>	Phó Tổng Giám đốc
<b>Ông Trần Quốc Nguyên</b>	Phó Tổng Giám đốc
<b>Ông Trần Quốc Việt</b>	Phó Tổng Giám đốc
<b>Ông Trần Tiến Hoàng</b>	Phó Tổng Giám đốc
<b>Ông Kelly Yin Hon Wong</b>	Phó Tổng Giám đốc
<b>Ông Mã Thanh Danh</b>	Phó Tổng Giám đốc
<b>Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu</b>	Phó Tổng Giám đốc
<b>Bà Nguyễn Thị Hạnh</b>	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Kim Thành.

Ông Trần Lệ Nguyên được Ông Trần Kim Thành ủy quyền để ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

## BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ✓ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ✓ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ✓ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ✓ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:




**Trần Lệ Nguyễn**  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**KÍNH GỬI: QUÝ CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) được lập vào ngày 28 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 68 đến trang 127, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM




**Hàng Nhật Quang**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1772-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 28 tháng 3 năm 2018



**Lương Kim Diên An**  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 2736-2014-004-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

B01-DN/HN

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 30)
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		5.406.718.261.845	5.055.634.211.130
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	5	1.807.684.470.044	1.683.337.775.577
111	1. Tiền		262.154.470.044	165.334.267.283
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.545.530.000.000	1.518.003.508.294
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	13.1	1.375.855.603.082	653.503.729.901
121	1. Chứng khoán kinh doanh		401.120.064	3.949.434.564
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(1.390.713)	(445.704.663)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.375.455.873.731	650.000.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		1.066.848.103.700	1.954.490.525.510
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	654.283.740.094	406.023.133.056
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	87.223.962.159	74.347.949.755
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	8.000.000.000	8.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	359.259.750.288	1.477.765.348.246
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(42.505.147.499)	(11.645.905.547)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		585.798.658	-
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	7	1.022.532.063.301	667.967.089.904
141	1. Hàng tồn kho		1.026.716.599.642	678.008.300.538
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(4.184.536.341)	(10.041.210.634)
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		133.798.021.718	96.335.090.238
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	19.090.092.483	13.568.506.662
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		95.840.997.848	81.928.436.425
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	18.866.931.387	838.147.151

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

B01-DN/HN

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 30)
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		5.900.456.944.395	4.312.067.726.875
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	9	117.925.840.635	27.806.169.630
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn		17.304.707.562	18.454.707.562
216	2. Phải thu dài hạn khác		100.621.133.073	9.351.462.068
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		2.332.220.118.084	2.270.607.344.842
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.278.903.401.078	822.896.790.489
222	Nguyên giá		2.336.812.517.495	1.424.620.732.847
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.057.909.116.417)	(601.723.942.358)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	1.053.316.717.006	1.447.710.554.353
228	Nguyên giá		1.169.580.857.925	1.501.542.001.647
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(116.264.140.919)	(53.831.447.294)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		5.370.446.842	-
231	1. Nguyên giá		11.797.057.729	-
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(6.426.610.887)	-
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		22.339.107.966	51.194.729.721
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	22.339.107.966	51.194.729.721
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		2.157.486.852.387	1.634.742.246.014
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết và công ty liên doanh đồng kiểm soát	13.2	2.133.930.301.610	1.634.742.246.014
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	13.3	23.556.550.777	-
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		1.265.114.578.481	327.717.236.668
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	181.904.660.348	141.883.545.324
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.3	31.293.201.201	35.285.374.122
269	3. Lợi thế thương mại	4.7	1.051.916.716.932	150.548.317.222
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		11.307.175.206.240	9.367.701.938.005

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

B01-DN/HN

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 30)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.489.794.729.246	2.859.216.867.885
310	I. Nợ ngắn hạn		2.301.648.696.226	1.605.193.733.300
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	460.169.613.902	348.434.636.059
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		20.148.907.250	27.503.484.462
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	57.308.191.207	104.158.920.838
314	4. Phải trả người lao động		134.571.945.985	97.082.897.135
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	150.716.162.297	146.768.677.940
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	666.666.672
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	150.879.142.474	30.938.632.294
320	8. Vay ngắn hạn	18	1.291.314.766.741	843.698.690.786
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		36.539.966.370	5.941.127.114
330	II. Nợ dài hạn		1.188.146.033.020	1.254.023.134.585
337	1. Phải trả dài hạn khác		26.898.833.246	17.360.374.664
338	2. Vay dài hạn	18	864.687.264.084	997.954.021.856
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	27.3	268.918.448.456	215.866.165.430
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn		27.641.487.234	22.842.572.635
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		7.817.380.476.994	6.508.485.070.120
410	I. Vốn chủ sở hữu		7.817.380.476.994	6.508.485.070.120
411	1. Vốn cổ phần	19.1	2.566.533.970.000	2.566.533.970.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.566.533.970.000	2.566.533.970.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	19.1	3.192.080.967.500	3.192.083.261.700
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu	19.1	104.000.000.000	159.680.000.000
415	4. Cổ phiếu quỹ	19.1	(1.959.478.509.838)	(1.959.484.318.538)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển	19.1	67.787.061.385	51.162.916.267
420	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	19.1	15.909.752.661	15.909.752.661
421	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	19.1	2.377.423.193.720	1.910.023.820.908
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		2.038.231.259.465	733.551.955.291
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		339.191.934.255	1.176.471.865.617
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	19.6	1.453.124.041.566	572.575.667.122
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		11.307.175.206.240	9.367.701.938.005

Trần Minh Nguyệt

Người lập

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

Báo cáo thường niên 2017  
KIDO GROUP

Nguyễn Thị Oanh

Kế toán trưởng

Trần Lệ Nguyên

Tổng Giám đốc

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

B02-DN/HN

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 30)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	7.118.097.737.821	2.272.416.116.876
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	(101.772.501.229)	(33.640.684.377)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	7.016.325.236.592	2.238.775.432.499
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	(5.562.876.351.228)	(1.366.565.469.545)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.453.448.885.364	872.209.962.954
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	641.179.572.864	1.548.026.247.947
22	7. Chi phí tài chính	22	(161.220.248.439)	(95.709.391.246)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(157.276.630.519)	(38.641.296.719)
24	8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	13.2	148.223.754.880	129.662.518.424
25	9. Chi phí bán hàng	23	(1.061.728.202.516)	(720.947.362.683)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(457.655.985.667)	(251.621.683.987)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		562.247.776.486	1.481.620.291.409
31	12. Thu nhập khác	26	21.707.536.880	38.601.764.837
32	13. Chi phí khác	26	(23.316.703.491)	(14.317.340.560)
40	14. (Lỗ) lợi nhuận khác	26	(1.609.166.611)	24.284.424.277
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		560.638.609.875	1.505.904.715.686
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(63.019.362.603)	(328.256.661.438)
52	17. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	27.1	(57.513.816.421)	5.734.250.396
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		440.105.430.851	1.183.382.304.644
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		339.191.934.255	1.176.471.865.617
62	20. Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông không kiểm soát	19.6	100.913.496.596	6.910.439.027
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	19.5	1.602	5.623
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	19.5	1.602	5.623

Trần Minh Nguyệt

Người lập

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

Nguyễn Thị Oanh

Kế toán trưởng

Trần Lệ Nguyên

Tổng Giám đốc

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

B03-DN/HN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 30)
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		560.638.609.875	1.505.904.715.686
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
02	Khấu hao và hao mòn		296.764.328.918	79.906.166.792
03	Các khoản dự phòng		23.785.088.885	8.539.336.884
04	Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(948.191.761)	(64.865.953)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(782.546.471.984)	(1.623.505.934.924)
06	Chi phí phát hành trái phiếu phân bổ và chi phí lãi vay	22	159.429.271.459	38.901.077.541
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		257.122.635.392	9.680.496.026
09	Tăng các khoản phải thu		(241.174.743.437)	(9.124.083.622)
10	Tăng hàng tồn kho		(28.254.022.278)	(6.090.533.688)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		178.918.297.981	(26.223.124.953)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		1.596.298.154	(3.646.729.300)
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		3.548.314.500	3.773.080
14	Tiền lãi vay đã trả		(163.414.116.710)	(28.273.393.656)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(57.396.448.919)	(35.950.245.559)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(20.219.856.345)	(31.132.135.681)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(69.273.641.662)	(130.755.977.353)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(115.632.799.442)	(549.476.541.544)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		5.899.054.425	2.239.699.660
23	Tiền chi mua công cụ nợ của đơn vị khác và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		(541.014.310.235)	(50.000.000.000)
24	Tiền thu hồi từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		100.000.000.000	1.305.098.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.054.115.393.333)	(1.566.054.371.341)
26	Tiền thu hồi từ đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.547.371.260.636	1.667.648.000.400
	Tiền thuế phải nộp từ thanh lý các khoản đầu tư		(193.149.996.332)	(1.057.762.085.703)
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		158.179.557.136	117.434.411.810
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		907.537.372.855	(130.872.886.718)

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

B03-DN/HN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 30)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
32	Tiền thu từ tái phát hành cổ phiếu quỹ (chi mua lại cổ phiếu đã phát hành)		3.514.500	(831.373.476)
33	Tiền vay nhận được	18	4.121.408.045.007	2.824.865.891.612
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	18	(4.412.433.094.685)	(1.536.346.509.254)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông của công ty mẹ	19.4	(329.489.247.340)	(493.745.506.850)
	Cổ tức đã trả cho cổ đông không kiểm soát		(93.348.727.680)	(16.503.600)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(713.859.510.198)	793.925.998.432
50	Tăng tiền và tương đương tiền thuần trong năm		124.404.220.995	532.297.134.361
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	5	1.683.337.775.577	1.151.036.779.095
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(57.526.528)	3.862.121
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	1.807.684.470.044	1.683.337.775.577

**Trần Minh Nguyệt**

Người lập

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

**Nguyễn Thị Oanh**

Kế toán trưởng

**Trần Lệ Nguyên**

Tổng Giám đốc

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

## 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tập đoàn bao gồm Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido (“KDC” hoặc “Công ty”), các công ty con, các công ty liên kết và hai công ty liên doanh đồng kiểm soát như sau:

### Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4103001184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 9 năm 2002, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 39/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 11 năm 2005.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Tập đoàn là bán buôn thực phẩm và mua bán nông sản thực phẩm, công nghệ phẩm và vải sợi; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thực phẩm và nước uống như nước đá, kem, sữa và các sản phẩm từ sữa; dầu ăn và kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 3.962 (31 tháng 12 năm 2016: 2.480).

### Các công ty con

#### Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông Lạnh KIDO (“KDF”)

KDC sở hữu 65% vốn chủ sở hữu trong KDF, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103001557 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 4 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. KDF có trụ sở và nhà máy đăng ký tại Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Ấp Cây Sộp, Xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

#### Công ty Thương mại và Hợp tác Quốc tế Hà Nội (“HTIC”)

KDC sở hữu 75,73% vốn chủ sở hữu trong HTIC, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0103000347 do SKHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 5 năm 2001. HTIC có trụ sở đăng ký tại số 534 - 536, Phố Bạch Mai, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

#### Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ KIDO (“KTS”)

KDC sở hữu 100% vốn chủ sở hữu của KTS, một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313172800 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 3 năm 2015. KTS có trụ sở đăng ký tại Lầu 11, Tòa nhà Empress, số 138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

#### Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Kido (“KIDOFood”)

KDC sở hữu 100% vốn chủ sở hữu của KIDOFood, một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0106681285 do SKHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 3 tháng 11 năm 2014 và theo các GCNĐKKD sửa đổi sau đó. KIDOFood có trụ sở đăng ký tại Lầu 10, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B09-DN/HN

## 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

### Các công ty con (tiếp theo)

#### Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Tường An (“Tường An”)

KDC sở hữu 75,44% vốn chủ sở hữu và 88,44% quyền biểu quyết tại Tường An, một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Nhà máy Dầu Tường An thuộc Công ty Dầu Thực vật Hương liệu Mỹ phẩm Việt Nam (nay là Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam) theo Quyết định số 42/2004/QĐ-BCN ngày 4 tháng 6 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương). Tường An hoạt động theo GCNĐKKD số 4103002698 ngày 27 tháng 9 năm 2004 và các GCNĐKKD sửa đổi sau đó. Hoạt động chính trong năm hiện tại của Tường An là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dầu thực vật, mỡ động, thực vật. Tường An có trụ sở chính được đăng ký tại số 138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

#### Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam (“Vocarimex”)

KDC sở hữu 51% vốn chủ sở hữu trong Vocarimex, trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 452/CN-TCLĐ do Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) cấp ngày 6 tháng 6 năm 1992, hiện là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0300585984 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 12 năm 2014. Hoạt động chính trong năm hiện tại của Vocarimex là sản xuất và kinh doanh dầu, mỡ động, thực vật. Vocarimex có trụ sở đăng ký tại số 58 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

#### Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật (“VPK”)

KDC nắm giữ 51,05% quyền biểu quyết gián tiếp tại VPK, một công ty cổ phần được kiểm soát bởi Vocarimex, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103001186 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 10 năm 2002 và các GCNĐKKD sửa đổi sau đó. Hoạt động chính trong năm hiện tại của VPK là sản xuất và kinh doanh các loại giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì. VPK có trụ sở đăng ký tại Lô 6 - 12, Khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

#### Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Nhất Hào (“Nhất Hào”)

KDC sở hữu 100% vốn chủ sở hữu tại Nhất Hào, một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0314631140 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 9 năm 2017. Nhất Hào có trụ sở đăng ký tại Lầu 10, Tòa nhà Empress, số 138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của Nhất Hào theo GCNĐKDN là buôn bán thực phẩm và đồ uống.

### Các công ty liên kết

#### Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Thịnh (“Phong Thịnh”)

KDC sở hữu 34% vốn chủ sở hữu trong Phong Thịnh, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0314098268 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 11 năm 2016. Hoạt động chính của Phong Thịnh là kinh doanh bất động sản và xây dựng. Phong Thịnh có trụ sở chính được đăng ký tại số 436 - 438 Đường Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Phong Thịnh vẫn đang trong giai đoạn trước hoạt động.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B09-DN/HN

## 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

### Các công ty liên kết (tiếp theo)

#### Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân (“Calofic”)

KDC nắm giữ 24% quyền biểu quyết gián tiếp trong Calofic, một công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mà Vocarimex có ảnh hưởng đáng kể, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư (“GCNĐT”) số 2148108377 do Ban Quản lý Khu Kinh tế Quảng Ninh cấp ngày 30 tháng 12 năm 2015 và các GCNĐT điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính trong năm hiện tại của Calofic là sản xuất và chế biến dầu thực vật và các sản phẩm phụ liên quan. Calofic có trụ sở đăng ký tại KCN Cái Lân, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

#### Công ty TNHH Mỹ phẩm LG Vina (“LG Vina”)

KDC nắm giữ 40% quyền biểu quyết gián tiếp trong LG Vina, một công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mà Vocarimex có ảnh hưởng đáng kể, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3600254869 do SKHĐT Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 22 tháng 10 năm 1997 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính trong năm hiện tại của LG Vina là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dưỡng da và trang điểm, tạo mùi thơm; sản phẩm làm sạch và chăm sóc tóc; sản phẩm chăm sóc răng, miệng; xà phòng tắm và sản phẩm tẩy rửa gia dụng bán trong nước và xuất khẩu, nhập khẩu và phân phối các mặt hàng mỹ phẩm. LG Vina có trụ sở chính đăng ký tại Khu Công nghiệp Nhơn Trạch II, xã Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

#### Công ty Dầu ăn Golden Hope Nhà Bè (“GHC”)

KDC nắm giữ 49% quyền biểu quyết gián tiếp trong GHC, một công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mà Vocarimex có ảnh hưởng đáng kể, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0300832672 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 9 năm 2008 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính trong năm hiện tại của GHC là sản xuất dầu, mỡ động, thực vật. GHC có trụ sở đăng ký tại số 370, Gò Ô Môi, Khu phố 2, Phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### Liên doanh đồng kiểm soát

#### Công ty Cổ phần Đầu tư Lavenue (“Lavenue”)

KDC sở hữu 50% vốn cổ phần trong Lavenue, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0310306044 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2010. Hoạt động chính của Lavenue là kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản. Lavenue có trụ sở đăng ký tại số 12 Lê Thánh Tôn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

#### Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Dabaco (“Dabaco Food”)

KDC sở hữu 50% vốn cổ phần trong Dabaco Food (trước đây là Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm Dabaco), một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 2300345626 do SKHĐT Tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 4 tháng 9 năm 2008. Hoạt động chính của Dabaco Food là chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt. Dabaco Food có trụ sở chính được đăng ký tại Nam Viên, Xã Lạc Vệ, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B09-DN/HN

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ✓ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ✓ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ✓ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ✓ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ✓ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

### 2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là VND.

### 2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của KDC (“công ty mẹ”) và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào tài khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B09-DN/HN

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa. ✓ chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm. ✓ giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

#### Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B09-DN/HN

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

#### 3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### Các quyền sử dụng đất

Các quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, bao gồm giá trị của các quyền sử dụng đất đã được Tập đoàn mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của các quyền sử dụng đất được đánh giá theo thời hạn sử dụng của các quyền sử dụng đất. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn là quyền sử dụng đất đã thuê và được trích hao mòn theo thời hạn thuê, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

#### 3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	3 - 46 năm
Máy móc thiết bị	5 - 25 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Thương hiệu	10 - 20 năm
Quyền sử dụng đất	10 - 46 năm
Phần mềm máy tính	3 - 12 năm
Mối quan hệ với khách hàng	16 - 20 năm
Lợi thế quyền thuê đất	16 - 32 năm

#### 3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	16 năm
------------------------	--------



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B09-DN/HN

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

#### 3.7 Bất động sản đầu tư (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

#### 3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng nhà máy, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào hoạt động.

#### 3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ, ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

#### 3.10 Các chi phí trả trước

Các chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của các chi phí đó tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

##### *Lợi thế kinh doanh*

Lợi thế kinh doanh là giá trị được tạo ra từ hoạt động của một Tổng Công ty Nhà nước kể từ ngày thành lập cho đến ngày thực hiện định giá và cổ phần hóa, được xác định theo Thông tư số 127/2014/TT-BTC (“Thông tư 127”) của Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2014. Giá trị lợi thế kinh doanh đã được đánh giá lại trong năm 2015 theo Biên bản Quyết toán cổ phần hóa ngày 22 tháng 12 năm 2015. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.

##### *Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất trong thời hạn từ 30 đến 45 năm. Khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê theo quy định của Thông tư 45.

#### 3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Các giao dịch hợp nhất kinh doanh được hạch toán kế toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B09-DN/HN

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

#### 3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại (tiếp theo)

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được xác định ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định bằng nguyên giá trừ giá trị phân bổ lũy kế. Việc phân bổ lợi thế thương mại được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong mười (10) năm, là thời gian thu hồi lợi ích kinh tế có thể mang lại cho Tập đoàn. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

#### 3.12 Các khoản đầu tư

##### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu ít nhất 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được cản trở với khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

##### *Đầu tư vào liên doanh đồng kiểm soát*

Khoản đầu tư của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sau khi liên doanh.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận (lỗ) của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận vào quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Cổ tức nhận được từ cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được cản trở với khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B09-DN/HN

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

### 3.12 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

#### *Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

#### *Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh sẽ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

### 3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 3.14 Trích lập trợ cấp thôi việc phải trả

bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

### 3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ✓ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ✓ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ✓ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- ✓ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B09-DN/HN

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

### 3.16 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của Tập đoàn.

### 3.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (sau khi trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

### 3.18 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

### 3.19 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên:

#### *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

#### *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

#### *Cổ tức*

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Tập đoàn và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên và được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B09-DN/HN

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

#### 3.20 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc thời điểm chuyển giao hàng hóa.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

#### 3.21 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ✓ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ✓ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B09-DN/HN

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

#### 3.21 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ✓ Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ✓ Tất cả các chênh lệch tạm thời được trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.22 CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B09-DN/HN

### 4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

#### 4.1 Mua Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam (“Vocarimex”)

Vào ngày 22 tháng 5 năm 2017, Tập đoàn đã mua thêm 32.886.000 cổ phiếu của Vocarimex với tổng giá phí là 1.093.935.179.814 VND, sau khi trừ cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trước ngày mua với tổng số tiền là 62.118.000.000 VND, tương đương 27% tỷ lệ sở hữu trong Vocarimex. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại Vocarimex được tăng từ 24% đến 51% tại ngày này, và Vocarimex đã trở thành công ty con của Tập đoàn.

Giá trị hợp lý tạm thời của các tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Vocarimex vào ngày hợp nhất kinh doanh được trình bày như sau:

	Giá trị hợp lý được xác định tạm thời tại ngày mua VND
<b>Tài sản</b>	
Các khoản đầu tư	1.432.086.260.796
Hàng tồn kho	319.854.276.826
Tài sản cố định hữu hình	262.251.553.307
Các khoản phải thu	255.554.076.838
Xây dựng cơ bản dở dang	219.656.049.620
Tiền và tương đương tiền	147.458.564.481
Tài sản cố định vô hình	6.978.789.927
Bất động sản đầu tư	5.588.908.507
Các tài sản ngắn hạn khác	51.502.110.502
Các tài sản dài hạn khác	55.213.097.217
	<b>2.756.143.688.021</b>
<b>Nợ phải trả</b>	
Nợ ngắn hạn	220.541.587.255
Các khoản vay ngắn hạn	603.252.259.588
Nợ dài hạn	474.327.000
	<b>824.268.173.843</b>
<b>Lợi ích của cổ đông không kiểm soát</b>	<b>72.452.823.511</b>
<b>Tổng tài sản thuần</b>	<b>1.859.422.690.667</b>
<b>Tổng tài sản thuần được hợp nhất, 51%</b>	<b>948.305.572.240</b>
Cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trước ngày mua trả cho công ty mẹ	(62.118.000.000)
Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh	981.664.807.574
<b>Tổng chi phí hợp nhất</b>	<b>1.867.852.379.814</b>
<i>Trong đó:</i>	
Giá trị hợp lý của khoản đầu tư 24% ban đầu tại ngày mua thêm để đạt được quyền kiểm soát (*)	836.035.200.000
Chi phí hợp nhất phát sinh thêm, 27%	1.031.817.179.814

(\*)Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của khoản đầu tư ban đầu 24% tại ngày mua thêm và giá trị của khoản đầu tư đó theo phương pháp vốn chủ sở hữu là 244.902.635.687 VND được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh số 20.2).

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B09-DN/HN

### 4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI (TIẾP THEO)

#### 4.1 Mua Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam (“Vocarimex”) (tiếp theo)

Kể từ ngày hợp nhất, Vocarimex đã đóng góp các khoản doanh thu và lợi nhuận thuần trước thuế vào doanh thu và lợi nhuận thuần trước thuế của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 lần lượt là 1.177.861.662.352 VND và 148.222.201.670 VND.

Các số liệu kế toán ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được dựa trên giá trị hợp lý của tài sản thuần được xác định tạm thời vì Tập đoàn đang tiến hành xem xét việc định giá độc lập các giá trị hợp lý của tài sản thuần của Vocarimex. Do đó, kết quả của việc định giá độc lập này chưa được hoàn thành vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Ngoài ra, vào ngày 22 tháng 5 năm 2017, Vocarimex có một công ty con và ba công ty liên kết là Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật, Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân, Công ty TNHH Mỹ phẩm LG Vina và Công ty Dầu ăn Golden Hope Nhà Bè với tỷ lệ quyền biểu quyết của Vocarimex tại các công ty này lần lượt là 51,05%, 24%, 40% và 49%. Theo đó, công ty con và ba công ty liên kết này cũng chính thức trở thành các công ty con và công ty liên kết sở hữu gián tiếp của Tập đoàn kể từ ngày mua này.

#### 4.2 Hợp nhất kinh doanh Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Tường An (“Tường An”) trong năm 2016

	Giá trị hợp lý ghi nhận tại ngày mua VND
<b>Tài sản</b>	
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.733.059.557
Các khoản đầu tư	336.000.000.000
Các khoản phải thu	88.501.433.301
Hàng tồn kho	573.356.820.995
Tài sản cố định hữu hình	167.068.199.894
Tài sản cố định vô hình	733.382.219.816
Xây dựng cơ bản dở dang	2.165.436.275
Các tài sản khác	366.900.265.761
	<b>2.282.107.435.599</b>
<b>Nợ phải trả</b>	
Nợ ngắn hạn	325.352.054.233
Các khoản vay ngắn hạn	399.983.042.353
Nợ dài hạn	12.230.897.222
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	216.654.792.919
	<b>954.220.786.727</b>
<b>Tổng tài sản thuần</b>	<b>1.327.886.648.872</b>
<b>Tổng tài sản thuần được hợp nhất, 65%</b>	<b>863.126.321.767</b>
Cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trước ngày mua trả cho công ty mẹ	(20.962.337.391)
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh	151.813.429.131
<b>Tổng chi phí hợp nhất</b>	<b>993.977.413.507</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B09-DN/HN

### 4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI (TIẾP THEO)

#### 4.2 Hợp nhất kinh doanh Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Tường An (“Tường An”) trong năm 2016 (tiếp theo)

Việc ghi nhận tài sản thuần trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được dựa trên cơ sở định giá tạm thời về các giá trị hợp lý vì Tập đoàn đã thuê một đơn vị định giá độc lập để xác định giá trị của tài sản cố định hữu hình, quyền sử dụng đất, lợi thuê quyền thuê đất, mối quan hệ với khách hàng và thương hiệu nắm giữ bởi Tường An. Tập đoàn vẫn chưa nhận được kết quả định giá này vào ngày mà Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn phê duyệt để phát hành báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Việc định giá tài sản thuần của Tường An đã được hoàn tất vào ngày 26 tháng 7 năm 2017 và phản ánh giá trị hợp lý tại ngày mua là 1.327.886.848.872 VND, tăng 866.619.171.674 VND so với giá trị tạm tính. Khoản chênh lệch chủ yếu bao gồm khoản tăng giá trị của tài sản cố định hữu hình là 38.811.955.671 VND và tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất, lợi thế quyền thuê đất, mối quan hệ với khách hàng và thương hiệu tương ứng là 727.615.200 VND, 321.341.773.906 VND, 275.772.534.057 VND và 446.620.085.759 VND. Theo đó, thuế hoãn lại phải trả đã tăng lên 216.654.792.919 VND và lợi ích của cổ đông không kiểm soát đã tăng lên 303.316.710.086 VND. Giá trị lợi thế thương mại cũng giảm đi tương ứng là 563.302.461.588 VND dẫn đến tổng giá trị của lợi thế thương mại được xác định lại vào ngày mua là 151.813.429.131 VND. Các thông tin tương ứng của báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 đã được trình bày lại để phản ánh những điều chỉnh này. Chi phí hao mòn phát sinh từ các tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình kể từ ngày mua đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 5.983.942.158 VND và được ghi nhận vào báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

#### 4.3 Tăng thêm sở hữu vào Tường An thông qua việc mua Vocarimex

Vào ngày 22 tháng 5 năm 2017, Vocarimex có một công ty liên kết là Tường An với tỷ lệ quyền biểu quyết của Vocarimex là 27,87%. Tường An cũng là công ty con của Tập đoàn với tỷ lệ biểu quyết là 65% trong năm 2016. Theo đó, tỷ lệ sở hữu tại Tường An tăng từ 65% lên 79,21%.

Ảnh hưởng do các thay đổi tỷ lệ sở hữu trong Tường An phát sinh từ nghiệp vụ trên đây được hạch toán vào tài khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với tổng số tiền là 58.700.582.787 VND trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo hướng dẫn của Thông tư 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành vào ngày 22 tháng 12 năm 2014, hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (*Thuyết minh số 19.1*).

#### 4.4 Giảm một phần lợi ích trong Tường An

Vào ngày 5 tháng 10 năm 2017, Tường An đã hoàn tất việc phát hành mới 1.613.316 cổ phiếu cho các cán bộ chủ chốt theo Chương trình lựa chọn sở hữu cổ phiếu được phê duyệt bởi Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Bất thường 2017 ngày 10 tháng 2 năm 2017. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại Tường An giảm từ 79,21% xuống 75,44%.

Ảnh hưởng do các thay đổi tỷ lệ sở hữu trong Tường An phát sinh từ nghiệp vụ trên đây được hạch toán giảm vào tài khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và lợi thế thương mại với số tiền tương ứng là 27.555.694.311 VND (*Thuyết minh số 19.1*) và 8.071.413.982 VND trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo hướng dẫn của Thông tư 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành vào ngày 22 tháng 12 năm 2014, hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B09-DN/HN

### 4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI (TIẾP THEO)

#### 4.5 Thanh lý một phần lợi ích trong Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông Lạnh KIDO (“KDF”)

Vào ngày 17 tháng 4 năm 2017, Tập đoàn đã hoàn thành việc chuyển nhượng 11.200.000 cổ phần, tương đương 20% vốn chủ sở hữu trong KDF cho các nhà đầu tư theo Thỏa thuận đăng ký mua cổ phần. Việc chuyển nhượng này làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong KDF từ 99,8% xuống còn 79,8%.

Ngoài ra, vào ngày 25 tháng 8 năm 2017, Tập đoàn đã hoàn thành việc chuyển nhượng 8.288.000 cổ phần, tương đương 14,8% vốn chủ sở hữu trong KDF cho các nhân viên và nhà đầu tư chiến lược theo các hợp đồng chuyển nhượng cổ phần. Việc chuyển nhượng này làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong KDF từ 79,8% xuống còn 65%.

Theo đó, phần thu nhập từ việc chuyển nhượng cổ phần nói trên với số tiền là 563.581.971.271 VND sau khi trừ đi chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với số tiền là 131.914.762.351 VND và tính đến ảnh hưởng của thay đổi vốn khác của chủ sở hữu với số tiền là 55.680.000.000 VND đã được ghi nhận tăng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (*Thuyết minh số 19.1*).

#### 4.6 Chuyển nhượng toàn bộ vốn góp trong Công ty TNHH Tân An Phước (“TAP”)

Trong năm 2017, Tập đoàn đã hoàn thành việc chuyển nhượng 80% vốn cổ phần mà Tập đoàn sở hữu trong TAP cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Muối Miền Nam (“Muối Miền Nam”) và các cá nhân, như đã được phê duyệt theo Nghị Quyết Hội đồng Quản Trị số 158/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 7 năm 2017. Theo đó, Tập đoàn không còn quyền kiểm soát đối với TAP.

Tổng giá phí từ việc chuyển nhượng trên là 438.200.000.000 VND đã được thống nhất giữa Tập đoàn và Muối Miền Nam và các cá nhân. Theo đó, số tiền lãi từ việc chuyển nhượng này là 42.160.162.856 VND đã được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B09-DN/HN

### 4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI (TIẾP THEO)

#### 4.7 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian mười (10) năm kể từ ngày mua. Chi tiết được trình bày như sau:

NGUYÊN GIÁ	VND
<b>Số đầu năm</b>	
<i>Số liệu trình bày trước đây</i>	717.763.208.648
<i>Ảnh hưởng của việc trình bày lại (Thuyết minh số 4.2)</i>	(563.302.461.588)
Đã điều chỉnh lại – <i>Thuyết minh số 30</i>	154.460.747.060
Tăng do mua công ty con ( <i>Thuyết minh số 4.1</i> )	981.664.807.574
Giảm do thanh lý một phần công ty con	(8.790.794.400)
Số cuối năm	1.127.334.760.234
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
<b>Số đầu năm</b>	
<i>Số liệu trình bày trước đây</i>	8.606.617.018
<i>Ảnh hưởng của việc trình bày lại</i>	(4.694.187.180)
Đã điều chỉnh lại – <i>Thuyết minh số 30</i>	3.912.429.838
Phân bổ trong năm	72.224.993.882
Giảm do thanh lý một phần công ty con	(719.380.418)
Số cuối năm	75.418.043.302
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm – đã điều chỉnh lại – <i>Thuyết minh số 30</i>	150.548.317.222
Số cuối năm	1.051.916.716.932

### 5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.936.579.891	1.473.358.888
Tiền gửi ngân hàng	259.217.890.153	163.860.908.395
Các khoản tương đương tiền	1.545.530.000.000	1.518.003.508.294
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.807.684.470.044</b>	<b>1.683.337.775.577</b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại ngân hàng với kỳ hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 5,0% đến 5,5% một năm.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B09-DN/HN

### 6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>654.283.740.094</b>	<b>406.023.133.056</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	63.361.832.836	3.983.439
<i>Công ty TNHH Đạt Toàn Phú</i>	125.886.026.142	157.381.334.279
<i>Công ty TNHH Đạt Toàn Phát</i>	81.730.941.961	103.214.102.460
<i>Phải thu từ khách hàng khác</i>	383.304.939.155	145.423.712.878
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>87.223.962.159</b>	<b>74.347.949.755</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Công ty TNHH MTV Quốc Thuận Phát</i>	58.121.348.903	64.221.407.955
<i>Công ty Cổ phần Đại Tân Việt</i>	17.412.422.500	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	11.690.190.756	10.126.541.800
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn - Công ty TNHH TRIBECO Bình Dương</b>	<b>8.000.000.000</b>	<b>8.000.000.000</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>359.259.750.288</b>	<b>1.477.765.348.246</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Tạm ứng để đầu tư vào cổ phần mục tiêu (*)</i>	176.638.400.000	1.332.746.591.000
<i>Phải thu từ thanh lý khoản đầu tư</i>	99.320.000.000	112.675.000.000
<i>Lãi tiền gửi phải thu</i>	22.236.840.559	15.066.402.780
<i>Khoản tạm ứng của nhân viên</i>	33.863.956.000	-
<i>Các khoản khác</i>	27.200.553.729	17.277.354.466
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	177.117.566.666	1.222.639.391.000
<i>Phải thu khách hàng khác</i>	182.142.183.622	255.125.957.246
<b>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>	<b>(42.505.147.499)</b>	<b>(11.645.905.547)</b>
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>1.066.262.305.042</b>	<b>1.954.490.525.510</b>

(\*) Số dư này thể hiện khoản tạm ứng cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt ("VDS") để mua các cổ phần mục tiêu.

Tập đoàn đã sử dụng khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng với giá trị là 175.608.649.478 VND làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (*Thuyết minh số 18.1*).

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B09-DN/HN

### 6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	11.645.905.547	22.916.962.863
Tăng do mua công ty con	5.693.937.673	-
Dự phòng trích lập trong năm	25.784.589.976	11.645.905.547
Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(619.285.697)	(22.916.962.863)
Số cuối năm	42.505.147.499	11.645.905.547

### 7. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên vật liệu	378.042.809.966	433.462.737.554
Thành phẩm	187.333.693.253	161.414.040.613
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	55.470.754.164	49.445.059.020
Hàng đang đi đường	102.107.633.225	5.667.859.791
Công cụ, dụng cụ	27.260.574.722	22.440.699.391
Hàng hóa	276.501.134.312	5.577.904.169
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.026.716.599.642</b>	<b>678.008.300.538</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.184.536.341)	(10.041.210.634)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>1.022.532.063.301</b>	<b>667.967.089.904</b>

Tập đoàn đã sử dụng hàng tồn kho với giá trị là 76.684.927.647 VND làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh số 18.1).

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	10.041.210.634	499.859.297
Dự phòng trích lập trong năm	4.346.017.156	8.309.967.302
Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(10.802.691.449)	(1.894.082.147)
Tăng do mua công ty con	600.000.000	3.125.466.182
Số cuối năm	4.184.536.341	10.041.210.634

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B09-DN/HN

### 8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>19.090.092.483</b>	<b>13.568.506.662</b>
Công cụ và dụng cụ	10.744.124.634	4.152.375.224
Chi phí bảo trì	2.568.612.056	-
Chi phí mua bảo hiểm	854.964.820	5.811.831.560
Chi phí thuê	-	1.456.312.379
Khác	4.922.390.973	2.147.987.499
<b>Dài hạn</b>	<b>181.904.660.348</b>	<b>141.883.545.324</b>
Tiền thuê đất trả trước	146.761.329.800	117.852.461.261
Công cụ và dụng cụ	16.755.768.666	18.345.761.246
Lợi thế kinh doanh	13.756.078.297	-
Khác	4.631.483.585	5.685.322.817
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>200.994.752.831</b>	<b>155.452.051.986</b>

Tập đoàn đã dùng quyền sử dụng đất với giá trị còn lại là 15.448.568.697 VND và 45.003.262.201 VND để làm tài sản thế chấp tương ứng cho các khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh số 18.1) và dài hạn (Thuyết minh số 18.2) từ ngân hàng.

### 9. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Trả trước cho người bán dài hạn</b>		
Trả trước tiền thuê văn phòng cho Công ty TNHH Hoàng Triều	17.304.707.562	18.454.707.562
<b>Phải thu dài hạn khác</b>		
Phải thu từ thanh lý khoản đầu tư	85.484.438.836	-
Ký cược, ký quỹ dài hạn	15.136.694.237	9.351.462.068
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>117.925.840.635</b>	<b>27.806.169.630</b>

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B09-DN/HN

## 10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm						
Số liệu trình bày trước đây	427.142.159.331	792.729.469.098	135.832.718.594	30.104.430.153	-	1.385.808.777.176
Ảnh hưởng của việc trình bày lại (Thuyết minh số 4.2)	758.070.035	37.412.926.605	732.188.551	(91.229.520)	-	38.811.955.671
Đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 30	427.900.229.366	830.142.395.703	136.564.907.145	30.013.200.633	-	1.424.620.732.847
Mua mới	34.487.920.364	56.718.532.947	21.132.340.275	3.700.790.757	-	116.039.584.343
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	93.307.957.749	132.299.932.479	2.470.949.209	-	17.740.091.147	245.818.930.584
Tặng do mua công ty con	193.518.985.298	368.096.047.640	9.362.090.433	4.635.300.162	1.860.415.250	577.472.838.783
Phân loại lại	1.744.682.003	-	-	-	-	1.744.682.003
Thanh lý trong năm	(1.173.245.052)	(24.923.793.201)	(2.530.932.812)	(256.280.000)	-	(28.884.251.065)
Số cuối năm	749.786.529.728	1.362.333.115.568	166.999.354.250	38.093.011.552	19.600.506.397	2.336.812.517.495
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết	49.431.479.148	202.536.783.914	30.650.611.255	15.448.372.340	674.955.402	298.742.202.059
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số đầu năm						
Số liệu trình bày trước đây	137.554.147.520	381.491.015.900	61.648.483.953	18.989.490.270	-	599.683.137.643
Ảnh hưởng của việc trình bày lại	500.872.554	1.506.995.415	36.176.222	(3.239.476)	-	2.040.804.715
Đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 30	138.055.020.074	382.998.011.315	61.684.660.175	18.986.250.794	-	601.723.942.358
Khấu hao trong năm	39.107.338.350	101.115.188.096	17.980.848.719	4.005.281.448	718.719.500	162.927.376.113
Tặng do mua công ty con	76.034.579.451	226.715.041.718	8.062.183.539	3.498.889.474	910.591.294	315.221.285.476
Phân loại lại	1.744.682.003	-	-	-	-	1.744.682.003
Thanh lý trong năm	(1.082.300.934)	(20.179.642.401)	(2.202.642.993)	(243.583.205)	-	(23.708.169.533)
Số cuối năm	253.859.318.944	690.648.598.728	85.525.049.440	26.246.838.511	1.629.310.794	1.057.909.116.417
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm – đã điều chỉnh lại -Thuyết minh số 30	289.845.209.292	447.144.384.388	74.880.246.970	11.026.949.839	-	822.896.790.489
Số cuối năm	495.927.210.784	671.684.516.840	81.474.304.810	11.846.173.041	17.971.195.603	1.278.903.401.078

Tập đoàn đã sử dụng nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc thiết bị và thiết bị văn phòng với giá trị còn lại tương ứng là 212.223.092.867 VND, 599.029.626.744 VND và 12.900.327.000 VND làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh số 18.1) và dài hạn (Thuyết minh số 18.2) từ các ngân hàng.



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B09-DN/HN

## 11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Thương hiệu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Mối quan hệ với khách hàng	Lợi thế quyền thuê đất	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm						
Số liệu trình bày trước đây	16.591.966.348	363.672.572.381	54.227.663.222	22.587.790.774	-	457.079.992.725
Ảnh hưởng của việc trình bày lại (Thuyết minh số 4.2)	446.620.085.759	727.615.200	-	275.772.534.057	321.341.773.906	1.044.462.008.922
Đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 30	463.212.052.107	364.400.187.581	54.227.663.222	298.360.324.831	321.341.773.906	1.501.542.001.647
Tăng do mua công ty con	-	9.747.217.260	2.884.296.490	-	-	12.631.513.750
Mua mới	-	-	2.857.916.052	-	-	2.857.916.052
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	2.549.426.476	-	-	2.549.426.476
Giảm do thanh lý công ty con	-	(350.000.000.000)	-	-	-	(350.000.000.000)
Số cuối năm	463.212.052.107	24.147.404.841	62.519.302.240	298.360.324.831	321.341.773.906	1.169.580.857.925
Trong đó:						
Đã hao mòn hết	-	3.409.939.531	9.601.260.050	-	-	13.011.199.581
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số đầu năm						
Số liệu trình bày trước đây	9.955.179.809	3.558.070.378	27.904.638.125	8.470.421.539	-	49.888.309.851
Ảnh hưởng của việc trình bày lại (Thuyết minh số 4.2)	1.860.917.024	-	-	1.149.052.225	933.168.194	3.943.137.443
Đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 30	11.816.096.833	3.558.070.378	27.904.638.125	9.619.473.764	933.168.194	53.831.447.294
Tăng do mua công ty con	-	2.768.427.333	2.884.296.490	-	-	5.652.723.823
Hao mòn trong năm	23.990.200.923	105.285.952	6.286.100.973	15.200.363.626	11.198.018.328	56.779.969.802
Số cuối năm	35.806.297.756	6.431.783.663	37.075.035.588	24.819.837.390	12.131.186.522	116.264.140.919
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm – đã điều chỉnh lại -Thuyết minh số 30	451.395.955.274	360.842.117.203	26.323.025.097	288.740.851.067	320.408.605.712	1.447.710.554.353
Số cuối năm	427.405.754.351	17.715.621.178	25.444.266.652	273.540.487.441	309.210.587.384	1.053.316.717.006

Tập đoàn đã sử dụng quyền sử dụng đất với giá trị còn lại là 5.605.685.948 VND làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh số 18.1) từ ngân hàng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B09-DN/HN

### 12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lắp đặt máy móc	17.226.812.153	14.942.594.328
Xây dựng nhà máy	40.000.000	15.556.141.796
Nhà kho và nhà ăn cho nhân viên	4.124.553.500	12.131.555.667
Phát triển phần mềm	-	6.975.639.040
Khác	947.742.313	1.588.798.890
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>22.339.107.966</b>	<b>51.194.729.721</b>

Tập đoàn đã sử dụng tài sản được hình thành trong tương lai với giá trị tạm tính là 4.778.830.490 VND và 10.784.059.663 VND để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn (*Thuyết minh số 18.1*) và dài hạn (*Thuyết minh số 18.2*) từ ngân hàng.

### 13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

#### 13.1 Đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Giá trị thuần của chứng khoán kinh doanh		399.729.351		3.503.729.901
Cổ phiếu niêm yết	19.589	401.120.064	129.601	3.949.434.564
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(1.390.713)		(445.704.663)
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>		<b>1.375.455.873.731</b>		<b>650.000.000.000</b>
Tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam		650.000.000.000		650.000.000.000
Tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam		203.000.000.000		-
Tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín		190.955.873.731		-
Tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam		80.000.000.000		-
Trái phiếu của Công ty Chứng khoán Rồng Việt ("VDS") ( <i>Thuyết minh số 28</i> )	250.000	250.000.000.000		-
Tiền gửi ngắn hạn tại Ngân Hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Thăng Long		1.500.000.000		-
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>		<b>1.375.855.603.082</b>		<b>653.503.729.901</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B09-DN/HN

### 13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (TIẾP THEO)

#### 13.2 Đầu tư vào công ty liên kết và công ty liên doanh đồng kiểm soát

Công ty liên kết và liên doanh đồng kiểm soát	Giá trị đầu tư			
	Tỷ lệ sở hữu	Số cuối năm	Tỷ lệ sở hữu	Số đầu năm
	%	VND	%	VND
Lavenue	50,00	1.072.541.267.105	50,00	1.075.599.228.708
Calofic	24,00	866.813.370.509	-	-
LG Vina	40,00	98.479.333.480	-	-
Dabaco Food	50,00	94.096.330.516	-	-
Phong Thịnh	34,00	2.000.000.000	34,00	2.000.000.000
Vocarimex	-	-	24,00	557.143.017.306
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>2.133.930.301.610</b>		<b>1.634.742.246.014</b>

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B09-DN/HN

## 13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (TIẾP THEO)

### 13.2 Đầu tư vào công ty liên kết và công ty liên doanh đồng kiểm soát (tiếp theo)

Chi tiết khoản đầu tư vào các công ty liên kết và công ty liên doanh đồng kiểm soát tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

	Lavenue	Calofic	LG Vina	Phong Thịnh	Vocarimex	GHC	Dabaco Food	Tổng cộng
VND								
<b>Giá trị đầu tư</b>								
Số đầu năm	1.087.500.000.000	-	-	2.000.000.000	421.505.599.984	-	-	1.511.005.599.984
Tăng do mua công ty con	-	572.600.582.675	71.321.827.562	-	-	47.192.438.524	-	691.114.848.761
Tăng giá trị đầu tư	-	-	7.200.000.000	-	-	-	101.000.000.000	108.200.000.000
Giảm do trở thành công ty con	-	-	-	-	(421.505.599.984)	-	-	(421.505.599.984)
Số cuối năm	1.087.500.000.000	572.600.582.675	78.521.827.562	2.000.000.000	-	47.192.438.524	101.000.000.000	1.888.814.848.761
<b>Phần lũy kế lợi nhuận (lỗ) sau khi mua các công ty liên kết và công ty đồng kiểm soát</b>								
Số đầu năm	(11.900.771.292)	-	-	-	135.637.417.322	-	-	123.736.646.030
Tăng (giảm) do mua công ty con	-	172.659.565.274	41.804.256.038	-	-	(47.192.438.524)	-	167.271.382.788
Phần lợi nhuận (lỗ) trong năm	(3.057.961.603)	121.553.222.560	2.642.616.400	-	33.989.547.007	-	(6.903.669.484)	148.223.754.880
Cổ tức được chia trong năm	-	-	(24.489.366.520)	-	-	-	-	(24.489.366.520)
Giảm do trở thành công ty con	-	-	-	-	(169.626.964.329)	-	-	(169.626.964.329)
Số cuối năm	(14.958.732.895)	294.212.787.834	19.957.505.918	-	-	(47.192.438.524)	(6.903.669.484)	245.115.452.849
<b>Giá trị còn lại</b>								
Số đầu năm	1.075.599.228.708	-	-	2.000.000.000	557.143.017.306	-	-	1.634.742.246.014
Số cuối năm	1.072.541.267.105	866.813.370.509	98.479.333.480	2.000.000.000	-	-	94.096.330.516	2.133.930.301.610

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B09-DN/HN

### 13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (TIẾP THEO)

#### 13.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

VND

Tên đơn vị	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tân Bình ("Nakydaco")	23.556.550.777	-

### 14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán khác	459.907.219.132	157.460.558.241
<i>Denali Trading Pte Ltd</i>	132.602.704.164	-
<i>Wilmar Trading Pte Ltd</i>	40.988.081.894	-
Khác	286.316.433.074	157.460.558.241
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	262.394.770	190.974.077.818
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>460.169.613.902</b>	<b>348.434.636.059</b>

### 15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	93.053.474.681	194.934.124.954	(266.300.896.038)	21.686.703.597
Thuế giá trị gia tăng	10.144.487	732.971.547.138	(729.059.788.052)	3.921.903.573
Các loại thuế khác	10.257.154.519	69.487.898.594	(66.912.400.463)	12.832.652.650
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>103.320.773.687</b>	<b>997.393.570.686</b>	<b>(1.062.273.084.553)</b>	<b>38.441.259.820</b>
Trong đó:				
Thuế nộp thừa	(838.147.151)	-	-	(18.866.931.387)
Thuế phải nộp	104.158.920.838	-	-	57.308.191.207

### 16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí tiếp thị	88.598.499.523	70.798.343.979
Lương tháng 13 và thưởng	13.483.950.275	16.185.629.622
Chi phí lãi vay	10.449.185.905	10.458.036.289
Phí tư vấn	4.320.550.098	43.199.629.782
Phí vận chuyển	2.077.266.490	705.379.460
Khác	31.786.710.006	5.421.658.808
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>150.716.162.297</b>	<b>146.768.677.940</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B09-DN/HN

### 17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hợp đồng ngoại tệ có kỳ hạn	99.423.983.854	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	7.634.694.187	4.325.640.574
Cổ tức phải trả	5.209.692.580	5.426.334.300
Phải trả về cổ phần hóa	4.030.160.592	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	34.580.611.261	21.186.657.420
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>150.879.142.474</b>	<b>30.938.632.294</b>
Trong đó:		
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	1.975.365.000	-
Phải trả các bên khác	148.903.777.474	30.938.632.294

### 18. VAY

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Vay ngắn hạn</b>		
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 18.1)	1.027.754.226.683	645.853.690.786
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 18.4)	197.845.000.000	197.845.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 18.2 và 18.3)	65.715.540.058	-
	<b>1.291.314.766.741</b>	<b>843.698.690.786</b>
<b>Vay dài hạn</b>		
Trái phiếu thường trong nước (Thuyết minh số 18.4)	593.792.421.762	791.639.780.822
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 18.2)	259.254.841.749	206.314.241.034
Vay từ tổ chức khác (Thuyết minh số 18.3)	11.640.000.573	-
	864.687.264.084	997.954.021.856
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.156.002.030.825</b>	<b>1.841.652.712.642</b>

Tình hình tăng (giảm) các khoản vay như sau:

VND

	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn
Số đầu năm	843.698.690.786	997.954.021.856
Tiền thu từ đi vay	4.107.098.553.007	14.309.492.000
Tăng do mua công ty con	434.909.983.541	168.342.276.047
Chuyển từ dài hạn sang ngắn hạn	265.715.540.058	(265.715.540.058)
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	-	2.152.640.940
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm có gốc ngoại tệ	-	(30.532.667)
Tiền chi trả nợ gốc vay	(4.360.108.000.651)	(52.325.094.034)
Số cuối năm	1.291.314.766.741	864.687.264.084

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B09-DN/HN

### 18. VAY (TIẾP THEO)

#### 18.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm mục đích tài trợ vốn lưu động, với chi tiết được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Lãi suất %/năm	Ngày đáo hạn	Hình thức đảm bảo
<b>Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam</b>				
Khoản vay 1	236.522.661.034	4,8 – 5,5	Từ ngày 10 tháng 2 năm 2018 đến ngày 20 tháng 3 năm 2018	Tín chấp
Khoản vay 2	129.204.631.030	3,0 – 5,0	Từ ngày 5 tháng 2 năm 2018 đến ngày 7 tháng 3 năm 2018	Tín chấp
<b>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (“VCB”)</b>				
Khoản vay 1	312.110.020.306	5,0 – 7,0	Từ ngày 17 tháng 2 năm 2018 đến ngày 15 tháng 3 năm 2018	Tín chấp
Khoản vay 2	84.040.949.377	5,2 – 5,3	Từ ngày 17 tháng 2 năm 2018 đến ngày 1 tháng 3 năm 2018	Tín chấp
Khoản vay 3	12.508.139.523	7,0 – 8,0	Từ ngày 14 tháng 8 năm 2018 đến ngày 11 tháng 12 năm 2018	Thiết bị văn phòng với giá trị còn lại là 12.900.327.000 VND (Thuyết minh số 10)
Khoản vay 4	7.699.376.078	5,2	Ngày 8 tháng 5 năm 2018	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Quân Đội (“MB”) – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	125.564.131.862	5,4 – 5,8	Từ ngày 6 tháng 1 năm 2018 đến ngày 29 tháng 6 năm 2018	Nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị thuộc dây chuyền sản xuất kem và sữa chua (Dự án Phù Đổng) lần lượt trị giá 56.943.360.736 VND và 133.336.620.854 VND (Thuyết minh số 10); và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trị giá 4.778.830.490 VND (Thuyết minh số 12); quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại KCN Tây Bắc Củ Chi với giá trị còn lại là 15.448.568.697 VND (Thuyết minh số 8); giá trị hàng tồn kho tại kho Củ Chi trị giá 76.684.927.647 VND (Thuyết minh số 7); và khoản phải thu trị giá 175.608.649.478 VND (Thuyết minh số 6)
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	59.968.250.250	6,0	Từ ngày 14 tháng 3 năm 2018 đến ngày 11 tháng 4 năm 2018	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	38.919.143.450	7,0 – 7,6	Từ ngày 13 tháng 7 năm 2018 đến ngày 12 tháng 12 năm 2018	Quyền sử dụng đất với giá trị còn lại là 5.605.685.948 VND tại Phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam (Thuyết minh số 11); và máy móc và thiết bị trị giá 41.291.058.680 VND (Thuyết minh số 10)
Ngân hàng TNHH CTBC – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	18.016.425.602	5,7 – 5,9	Từ ngày 14 tháng 5 năm 2018 đến ngày 27 tháng 5 năm 2018	Tín chấp
Ngân hàng Hồng Kông và Thượng Hải (“HSBC”)	3.200.498.171	4,0	Ngày 27 tháng 4 năm 2018	Tín chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.027.754.226.683</b>			

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B09-DN/HN

### 18. VAY (TIẾP THEO)

#### 18.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Các khoản vay dài hạn từ ngân hàng nhằm mục đích tài trợ vốn cho việc mua sắm và lắp đặt máy móc và xây dựng nhà xưởng mới, với chi tiết được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Lãi suất %/năm	Ngày đáo hạn	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	154.090.649.121	9,4	Từ ngày 12 tháng 11 năm 2018 đến ngày 12 tháng 11 năm 2024	Máy móc và thiết bị trị giá 209.232.182.318 VND (Thuyết minh số 10) tại Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	149.689.147.000	6,5 – 7,0	Từ ngày 12 tháng 1 năm 2021 đến ngày 25 tháng 10 năm 2021	Nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị, và thiết bị và dụng cụ quản lý thuộc nhà máy Bắc Ninh lần lượt trị giá 155.279.732.131 VND; 136.165.107.355 VND (Thuyết minh số 10); chi phí xây dựng cơ bản dở dang trị giá 10.517.674.930 VND (Thuyết minh số 12); và quyền sử dụng đất tại Bắc Ninh với giá trị còn lại 45.003.262.201 VND (Thuyết minh số 8)
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (“VCB”)	12.909.492.000	7,6	Từ ngày 30 tháng 5 năm 2022 đến ngày 31 tháng 5 năm 2022	Máy móc, thiết bị và xây dựng cơ bản lần lượt trị giá 27.258.186.043 VND và 266.384.733 VND (Thuyết minh số 12)
Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	7.300.000.000	6,5 – 7,0	Từ ngày 26 tháng 10 năm 2018 đến ngày 30 tháng 12 năm 2018	Máy móc, thiết bị trị giá 51.746.471.494 VND (Thuyết minh số 10)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>323.989.288.121</b>			
<i>Trong đó:</i>				
<i>Vay dài hạn</i>	<i>259.254.841.749</i>			
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>64.734.446.372</i>			

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B09-DN/HN

### 18. VAY (TIẾP THEO)

#### 18.3 Khoản vay tổ chức khác dài hạn

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Lãi suất %/năm	Ngày đáo hạn	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2	12.621.094.259	Không lãi suất	Từ ngày 12 tháng 5 năm 2018 đến ngày 12 tháng 5 năm 2028	Tín chấp
<i>Trong đó:</i>				
<i>Vay dài hạn</i>	<i>11.640.000.573</i>			
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>981.093.686</i>			

Tập đoàn có khoản vay tín chấp không lãi suất với Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2 liên quan đến khoản thuê đất để xây dựng nhà máy tại Khu Công nghiệp Nhơn Trạch II, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai theo Hợp đồng thuê đất số 115/1988/HDTD ngày 12 tháng 5 năm 1988. Tập đoàn dùng khu đất trên để góp vốn thành lập Công ty TNHH Mỹ phẩm LG - Vina. Ngoài ra, khoản vay dài hạn từ ngân hàng nhằm mục đích tài trợ vốn cho việc xây dựng dự án nhà máy sản xuất thùng giấy carton tại Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

#### 18.4 Trái phiếu thường trong nước

Chi tiết của các trái phiếu này vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 được trình bày như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	Ngày phát hành	Giá trị VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Quận 1 ("VIB")	Ngày 18 tháng 11 năm 2016	800.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu		(8.362.578.238)
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>791.637.421.762</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả</i>		<i>197.845.000.000</i>
<i>Vay dài hạn trái phiếu</i>		<i>593.792.421.762</i>

Vào ngày 18 tháng 11 năm 2016, Tập đoàn đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 1.000 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VND) do VIB đặt mua.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B09-DN/HN

### 18. VAY (TIẾP THEO)

#### 18.4 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)

Trái phiếu này được hoàn trả sau năm (5) năm kể từ ngày phát hành với lãi suất 8,5%/năm cho kỳ sáu tháng đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ sáu tháng tiếp theo sẽ bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng Đồng Việt Nam được công bố tại bốn (4) ngân hàng tham chiếu là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam ("VCB"), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam ("Vietinbank"), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") và VIB cộng với biên độ 2,5%/năm. Công ty cam kết mua lại trái phiếu trước hạn kể từ ngày phát hành theo với tỷ lệ như sau :

- ✓ tối thiểu 20% giá trị trái phiếu phát hành vào ngày tròn mười hai (12) tháng kể từ ngày phát hành;
- ✓ tối thiểu 40% giá trị trái phiếu phát hành vào ngày tròn hai mươi bốn (24) tháng kể từ ngày phát hành;
- ✓ tối thiểu 60% giá trị trái phiếu phát hành vào ngày tròn ba mươi sáu (36) tháng kể từ ngày phát hành;
- ✓ tối thiểu 80% giá trị trái phiếu phát hành vào ngày tròn bốn mươi tám (48) tháng kể từ ngày phát hành; và
- ✓ giá trị trái phiếu phát hành còn lại vào ngày tròn sáu mươi (60) tháng kể từ ngày phát hành.

Tổng số tiền thu từ đợt phát hành này được sử dụng để bổ sung nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, trái phiếu này được sở hữu bởi VIB.

Trái phiếu này được đảm bảo bằng một số cổ phiếu của một vài công ty con của Tập đoàn

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B09-DN/HN

### 19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

VND

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 30)	Tổng cộng
<b>Năm trước:</b>								
Số đầu năm	2.566.533.970.000	3.192.083.261.700	-	(1.958.652.945.062)	51.162.916.267	15.909.752.661	1.398.947.279.604	5.265.984.235.170
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(831.373.476)	-	-	-	(831.373.476)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	1.176.471.865.617	1.176.471.865.617
Thanh lý công ty con	-	-	-	-	-	-	(533.373.430)	(533.373.430)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	-	(11.595.212.483)	(11.595.212.483)
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	-	-	(493.586.738.400)	(493.586.738.400)
Công ty con tăng vốn từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của công ty con	-	-	159.680.000.000	-	-	-	(159.680.000.000)	-
Số cuối năm	2.566.533.970.000	3.192.083.261.700	159.680.000.000	(1.959.484.318.538)	51.162.916.267	15.909.752.661	1.910.023.820.908	5.935.909.402.998



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B09-DN/HN

## 19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

### 19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

VND

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm nay:</b>								
Số đầu năm								
<i>Số liệu trình bày trước đây</i>	2.566.533.970.000	3.192.083.261.700	159.680.000.000	(1.959.484.318.538)	51.162.916.267	15.909.752.661	1.908.706.588.263	5.934.592.170.353
<i>Ảnh hưởng của việc trình bày lại – Thuyết minh số 30</i>	-	-	-	-	-	-	1.317.232.645	1.317.232.645
Đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 30	2.566.533.970.000	3.192.083.261.700	159.680.000.000	(1.959.484.318.538)	51.162.916.267	15.909.752.661	1.910.023.820.908	5.935.909.402.998
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	(2.294.200)	-	5.808.700	-	-	-	3.514.500
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	339.191.934.255	339.191.934.255
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	-	(329.057.825.600)	(329.057.825.600)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	19.175.272.365	-	(19.175.272.365)	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	(29.587.636.183)	(29.587.636.183)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	-	(12.263.443.400)	(12.263.443.400)
Mua thêm từ lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	58.700.582.787	58.700.582.787
Thanh lý một phần của khoản đầu tư trong công ty con	-	-	(55.680.000.000)	-	-	-	459.791.514.609	404.111.514.609
Tặng khác	-	-	-	-	(2.551.127.247)	-	(200.481.291)	(2.751.608.538)
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.566.533.970.000</b>	<b>3.192.080.967.500</b>	<b>104.000.000.000</b>	<b>(1.959.478.509.838)</b>	<b>67.787.061.385</b>	<b>15.909.752.661</b>	<b>2.377.423.193.720</b>	<b>6.364.256.435.428</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B09-DN/HN

### 19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

#### 19.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu

VND

	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn cổ phần</b>		
Số đầu năm và số cuối năm	2.566.533.970.000	2.566.533.970.000

#### 19.3 Cổ phiếu

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	256.653.397	256.653.397
Cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	256.653.397	256.653.397
Cổ phiếu quỹ do Tập đoàn nắm giữ	(50.992.256)	(50.992.335)
<i>Trong đó: được nắm giữ bởi Công ty</i>	<i>(50.992.256)</i>	<i>(50.992.256)</i>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	205.661.141	205.661.062

#### 19.4 Cổ tức

VND

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức công bố trong năm	329.057.825.600	493.586.738.400
Cổ tức đã trả cho cổ đông của công ty mẹ	329.489.247.340	493.745.506.850

#### 19.5 Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	339.191.934.255	1.176.471.865.617
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(9.666.855.554)	(20.000.000.000)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>329.525.078.701</b>	<b>1.156.471.865.617</b>
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	205.661.115	205.661.062
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu ( <i>Mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND</i> )	1.602	5.623
Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu ( <i>Mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND</i> )	1.602	5.623

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B09-DN/HN

### 19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

#### 19.5 Lãi trên cổ phiếu (tiếp theo)

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán năm này để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 16 tháng 6 năm 2017.

Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã trừ khoản trích quỹ khen thưởng và phúc lợi được ước tính bằng 5% lợi nhuận để lại của năm 2017.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### 19.6 Lợi ích cổ đông không kiểm soát

VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm		
<i>Số liệu trình bày trước đây</i>	<i>271.077.317.170</i>	<i>99.588.031.160</i>
<i>Ảnh hưởng của việc trình bày lại – Thuyết minh số 30</i>	<i>301.498.349.952</i>	-
Đã điều chỉnh lại – <i>Thuyết minh số 30</i>	572.575.667.122	99.588.031.160
Tăng do mua công ty con	983.569.941.938	464.760.327.105
Mua lại cổ phần của cổ đông không kiểm soát trong công ty con	(324.402.497.761)	-
Thanh lý một phần của khoản đầu tư trong công ty con cho lợi ích cổ đông không kiểm soát	322.808.186.458	-
Lợi nhuận thuần trong năm	100.913.496.596	6.910.439.027
Thanh lý công ty con	(99.009.959.286)	1.333.373.430
Cổ tức phải trả cho cổ đông không kiểm soát	(93.408.343.600)	(336.503.600)
Trích lập các quỹ	(7.359.810.260)	-
Thù lao Hội đồng Quản trị	(111.556.600)	-
Nhận góp vốn trong năm	-	320.000.000
Giảm khác	(2.451.083.041)	-
Số cuối năm	1.453.124.041.566	572.575.667.122

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B09-DN/HN

### 20. DOANH THU

#### 20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

VND

	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>7.118.097.737.821</b>	<b>2.272.416.116.876</b>
Trong đó:		
Doanh thu thành phẩm đã bán	6.726.882.989.482	1.932.133.357.111
Doanh thu hàng hóa đã bán	366.162.121.791	339.740.601.173
Doanh thu khác	25.052.626.548	542.158.592
<b>Giảm trừ doanh thu</b>	<b>(101.772.501.229)</b>	<b>(33.640.684.377)</b>
Trong đó:		
Giảm giá hàng bán	(24.529.916.555)	(17.106.354.538)
Hàng bán bị trả lại	(77.242.584.674)	(16.534.329.839)
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b>7.016.325.236.592</b>	<b>2.238.775.432.499</b>
Trong đó:		
Bán cho bên liên quan (Thuyết minh số 28)	488.119.456.423	-
Bán cho các bên khác	6.528.205.780.169	2.238.775.432.499

#### 20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	247.436.480.129	1.435.823.509.528
Lãi từ mua công ty con	244.902.635.687	-
Lãi tiền gửi	139.881.165.264	104.419.054.812
Lãi từ chứng khoán đầu tư	1.655.635.500	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	4.972.396.309	7.419.475.750
Khác	2.331.259.975	364.207.857
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>641.179.572.864</b>	<b>1.548.026.247.947</b>

### 21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	5.251.054.730.406	1.054.529.180.835
Giá vốn của hàng hóa đã bán	300.187.161.254	301.302.471.763
(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(6.456.674.293)	10.574.789.160
Giá vốn khác	18.091.133.861	159.027.787
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.562.876.351.228</b>	<b>1.366.565.469.545</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B09-DN/HN

### 22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	157.276.630.519	38.641.296.719
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	2.152.640.940	259.780.822
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	950.349.886	8.581.216.450
Phí tư vấn tài chính	-	47.082.548.477
Khác	840.627.094	1.144.548.778
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>161.220.248.439</b>	<b>95.709.391.246</b>

### 23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

VND

	Năm nay	Năm trước
Lương nhân viên	329.164.140.505	154.415.028.231
Quảng cáo và khuyến mãi	254.176.716.608	353.060.523.733
Chi phí vận chuyển	173.662.843.596	67.178.779.221
Chi phí mua ngoài	131.202.732.212	95.181.644.675
Khấu hao và hao mòn	57.834.730.454	18.308.266.905
Khác	115.687.039.141	32.803.119.918
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.061.728.202.516</b>	<b>720.947.362.683</b>

### 24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	Năm trước
Lương nhân viên	168.673.455.881	113.664.540.325
Khấu hao và hao mòn	106.887.223.222	20.328.607.047
Chi phí mua ngoài	91.843.478.541	74.563.922.442
Phí thuê và bảo trì	31.348.375.488	28.630.710.679
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	25.165.304.279	4.008.896.485
Khác	33.738.148.256	10.425.007.009
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>457.655.985.667</b>	<b>251.621.683.987</b>

### 25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	5.038.641.779.226	743.206.672.051
Chi phí nhân công	653.359.328.427	329.847.223.810
Chi phí dịch vụ mua ngoài	529.236.999.417	518.128.575.867
Giá vốn hàng hóa	149.280.063.577	309.794.184.108
Chi phí khấu hao và hao mòn	292.150.801.462	76.937.589.412
Chi phí khác	419.591.567.302	361.220.270.967
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.082.260.539.411</b>	<b>2.339.134.516.215</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B09-DN/HN

### 26. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

VND

	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>21.707.536.880</b>	<b>38.601.764.837</b>
Khoản bồi thường	3.317.795.944	285.158.060
Hoàn nhập tiền thuế đất phải trả	3.317.339.376	-
Hoàn nhập thuế tự vệ	2.659.820.264	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	722.972.893	394.835.303
Hoàn nhập thuế thay đổi mục đích sử dụng đất	-	34.594.000.000
Thu nhập khác	11.689.608.403	3.327.771.474
<b>Chi phí khác</b>	<b>(23.316.703.491)</b>	<b>(14.317.340.560)</b>
Thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ	(7.931.281.173)	-
Phạt thuế	(4.696.507.709)	-
Phạt vi phạm hợp đồng	(3.919.576.998)	(3.037.862.115)
Chi phí thuế không phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh	(2.917.835.592)	(8.318.467.544)
Truy thu thuế năm trước	(2.359.260.000)	-
Chi phí khác	(1.492.242.019)	(2.961.010.901)
<b>(LỖ) LỢI NHUẬN KHÁC</b>	<b>(1.609.166.611)</b>	<b>24.284.424.277</b>

### 27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Trong năm, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% thu nhập chịu thuế, ngoại trừ thu nhập chịu thuế từ dự án Phù Đổng II sản xuất kem và sữa chua theo Giấy chứng nhận Đầu tư ("GCNĐT") số 41221000330 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 12 năm 2010 và các GCNĐT điều chỉnh sau đó được miễn thuế TNDN trong hai (2) năm tính từ năm 2016 và giảm 50% thuế TNDN trong bốn (4) năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B09-DN/HN

### 27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

#### 27.1 Chi phí thuế TNDN

VND

	Năm nay	Năm trước
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51.463.771.719</b>	<b>327.210.557.812</b>
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	11.555.590.884	1.046.103.626
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	57.513.816.421	(5.734.250.396)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>120.533.179.024</b>	<b>322.522.411.042</b>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>560.638.609.875</b>	<b>1.505.904.715.686</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	112.127.721.975	301.180.943.137
<i>Điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	15.789.793.087	36.904.440.244
Phân bổ lợi thế thương mại	14.444.998.776	253.022.382
Hao mòn của tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được định giá lại	4.791.765.395	1.022.347.654
Lãi từ mua công ty con	(792.127.329)	-
Lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết	(29.644.750.976)	(25.932.503.685)
Thu nhập chịu thuế trong những năm trước	(4.639.617.196)	-
Khác	3.167.564.266	11.948.012.755
<b>Chi phí thuế TNDN phát sinh trong năm</b>	<b>115.245.347.998</b>	<b>325.376.262.487</b>
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	11.555.590.884	1.046.103.626
Thu nhập miễn thuế	(15.261.058.053)	(3.899.955.071)
Lỗi tính thuế chưa được ghi nhận thuế hoãn lại	18.950.131.322	-
Sử dụng các khoản lỗ tính thuế năm trước chuyển sang	(9.956.833.127)	-
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>120.533.179.024</b>	<b>322.522.411.042</b>

#### 27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được tính toán dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Tập đoàn được tính theo các thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B09-DN/HN

### 27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

#### 27.3 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả, cùng với biến động trong năm nay và năm trước như sau:

VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
		(Đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 30)		(Đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 30)
Các khoản chi phí phải trả	21.992.774.494	26.900.613.034	(4.907.838.540)	719.223.280
Dự phòng trợ cấp thôi việc	5.528.297.447	4.561.852.378	966.445.069	2.636.757.436
Dự phòng phải thu về cho vay ngắn hạn	1.600.000.000	1.600.000.000	-	-
Lợi nhuận chưa thực hiện	1.997.131.754	-	1.527.771.280	-
Chi phí khấu hao	303.031.070	487.241.683	(184.210.613)	(59.410.228)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	48.341.847	1.738.825.779	(1.690.483.932)	1.638.853.920
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(176.375.411)	(3.158.752)	(173.216.659)	10.198.499
Dự phòng đầu tư vào công ty con	(1.208.946.282)	-	(1.208.946.282)	-
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(12.340.931.150)	-	(12.340.931.150)	-
Lãi từ mua công ty con	(48.980.527.137)	-	(48.980.527.137)	-
Lãi từ việc đánh giá lại tài sản phát sinh từ hợp nhất kinh doanh	(206.388.043.887)	(215.866.165.430)	9.478.121.543	788.627.489
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>(237.625.247.255)</b>	<b>(180.580.791.308)</b>	<b>(57.513.816.421)</b>	<b>5.734.250.396</b>
<i>Trong đó:</i>				
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31.293.201.201	35.285.374.122		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(268.918.448.456)	(215.866.165.430)		

#### Chi tiết tình hình tăng (giảm) tài sản thuế TNDN hoãn lại trong năm:

VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	35.285.374.122	29.793.099.304
Tăng do mua công ty con	469.360.474	546.651.911
(Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại trong năm	(4.461.533.395)	4.945.622.907
Số cuối năm	31.293.201.201	35.285.374.122

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B09-DN/HN

### 28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Nghiệp vụ với các bên có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Tập đoàn có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư/nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một Tập đoàn.

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các công ty có liên quan trong năm được trình bày như sau:

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Vocarimex	Công ty con (trước đây là công ty liên kết)	Mua nguyên vật liệu và hàng hóa	(896.158.563.355)	(418.750.872.950)
		Bán hàng hóa	5.019.294.821	-
		Phí gia công	(344.908.340)	(10.492.286.608)
VDS	Công ty liên quan	Thu khoản tạm ứng	1.145.439.769.000	566.990.569.980
		Mua trái phiếu	(250.000.000.000)	-
		Phí giao dịch chứng khoán	(7.563.834.107)	(3.529.423.751)
		Tạm ứng để đầu tư	(100.000.000.000)	(1.604.843.336.480)
		Bán hàng hóa	4.181.800	-
GHC	Công ty liên kết	Bán hàng hóa và thành phẩm	31.949.475.294	-
		Mượn hàng hóa	(8.528.663.550)	-
		Dịch vụ cung cấp	2.068.977.848	-
		Mua dịch vụ gia công dầu	(1.182.975.168)	(2.560.831.264)
		Mua nguyên vật liệu và hàng hóa	-	(50.896.235.501)
VPK	Công ty con	Mua bao bì	(1.544.165.731)	(374.427.860)
Công ty Cổ phần Địa ốc Kido ("KDL")	Công ty liên quan	Cho thuê văn phòng	1.136.363.636	2.560.606.060
		Phí dịch vụ	195.692.866	-
Nakydaco	Công ty liên quan	Bán nguyên vật liệu và hàng hóa	448.812.730.240	-
		Cổ tức được nhận	1.274.636.000	-
		Mua hàng hóa	(1.009.400.000)	-
LG Vina	Công ty liên quan	Cổ tức được nhận	24.489.366.520	-
		Góp vốn	(7.200.000.000)	-
Calofic	Công ty liên quan	Mua hàng hóa	(893.568.000)	-

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B09-DN/HN

### 28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan được trình bày như sau:

VND				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>				
VDS	Công ty liên quan	Đầu tư trái phiếu	250.000.000.000	-
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>				
Nakydaco	Công ty liên quan	Bán nguyên vật liệu và hàng hóa	58.000.826.752	-
GHC	Công ty liên kết	Bán hàng hóa, nguyên vật liệu và cung cấp dịch vụ	5.361.006.084	560.020
Vocarimex	Công ty con (trước đây là công ty liên kết)	Bán nguyên vật liệu	-	3.423.419
			<b>63.361.832.836</b>	<b>3.983.439</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>				
VDS	Công ty liên quan	Tạm ứng để đầu tư	176.638.400.000	1.222.639.391.000
		Lãi trái phiếu	479.166.666	-
			<b>177.117.566.666</b>	<b>1.222.639.391.000</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
GHC	Công ty liên kết	Mua nguyên vật liệu và phí gia công	(262.394.770)	(1.757.132)
Vocarimex	Công ty con (trước đây là công ty liên kết)	Mua nguyên vật liệu	-	(190.540.650.040)
VPK	Công ty con	Mua bao bì	-	(411.870.646)
KDL	Công ty liên quan	Thuê văn phòng	-	(19.800.000)
			<b>(262.394.770)</b>	<b>(190.974.077.818)</b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>				
GHC	Công ty liên kết	Mượn công cụ, dụng cụ	(1.975.365.000)	-

Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

VND		
	Năm nay	Năm trước
Lương và các lợi ích khác	59.915.490.738	51.905.590.858

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B09-DN/HN

### 29. CÁC CAM KẾT

#### Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn hiện đang thuê đất, văn phòng và nhà xưởng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	75.396.161.334	91.479.199.984
Từ 1 đến 5 năm	208.619.322.192	181.063.246.696
Trên 5 năm	64.762.292.860	82.289.121.475
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>348.777.776.386</b>	<b>354.831.568.155</b>

#### Cam kết góp vốn

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tập đoàn có cam kết với số tiền là 227.500.000.000 VND liên quan đến nghĩa vụ góp vốn đầu tư vào các công ty con và đầu tư vào đơn vị khác.

### 30. ĐIỀU CHỈNH VÀ TRÌNH BÀY LẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM TRƯỚC

Dữ liệu so sánh liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Tường An tại ngày hợp nhất kinh doanh đã được điều chỉnh lại theo Thuyết minh số 4.2. Ngoài ra, một số khoản mục tương ứng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được trình bày lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính hợp nhất năm nay. Ảnh hưởng của các điều chỉnh này và các tài khoản có liên quan trong báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày như sau:

VND			
	Số liệu theo báo cáo trước đây	Ảnh hưởng của các điều chỉnh lại	Số liệu sau khi điều chỉnh
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT</b>			
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>			
Tài sản cố định hữu hình	786.125.639.533	36.771.150.956	822.896.790.489
<i>Nguyên giá</i>	<i>1.385.808.777.176</i>	<i>38.811.955.671</i>	<i>1.424.620.732.847</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>(599.683.137.643)</i>	<i>(2.040.804.715)</i>	<i>(601.723.942.358)</i>
Tài sản cố định vô hình	407.191.682.874	1.040.518.871.479	1.447.710.554.353
<i>Nguyên giá</i>	<i>457.079.992.725</i>	<i>1.044.462.008.922</i>	<i>1.501.542.001.647</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>(49.888.309.851)</i>	<i>(3.943.137.443)</i>	<i>(53.831.447.294)</i>
Lợi thế thương mại	709.156.591.630	(558.608.274.408)	150.548.317.222
<i>Nguyên giá</i>	<i>717.763.208.648</i>	<i>(563.302.461.588)</i>	<i>154.460.747.060</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>(8.606.617.018)</i>	<i>4.694.187.180</i>	<i>(3.912.429.838)</i>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	215.866.165.430	215.866.165.430
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.908.706.588.263	1.317.232.645	1.910.023.820.908
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	271.077.317.170	301.498.349.952	572.575.667.122

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B09-DN/HN

### 30. ĐIỀU CHỈNH VÀ TRÌNH BÀY LẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM TRƯỚC (TIẾP THEO)

VND

	Số liệu theo báo cáo trước đây	Ảnh hưởng của các điều chỉnh lại	Số liệu sau khi điều chỉnh
<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT</b>			
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>			
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(1.364.532.605.025)	(2.032.864.520)	(1.366.565.469.545)
Chi phí bán hàng	(717.930.249.544)	(3.017.113.139)	(720.947.362.683)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(255.381.906.668)	3.760.222.681	(251.621.683.987)
Tổng lợi nhuận trước thuế	1.507.194.470.664	(1.289.754.978)	1.505.904.715.686
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	4.945.622.907	788.627.489	5.734.250.396
Lợi nhuận thuần sau thuế	1.183.883.432.133	(501.127.489)	1.183.382.304.644
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.714	(91)	5.623
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.714	(91)	5.623

### 31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Hoạt động chính của Tập đoàn là chế biến nông sản, thực phẩm và dầu ăn, nước tinh khiết và các sản phẩm từ sữa. Tập đoàn xem các hoạt động này là một bộ phận kinh doanh. Tuy nhiên, Tập đoàn quản lý hoạt động kinh doanh theo khu vực địa lý dựa trên đặc điểm địa lý của khách hàng của Tập đoàn.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn bao gồm miền Nam và miền Bắc Việt Nam. Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B09-DN/HN

### 31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

VND

	Khu vực miền Nam	Khu vực miền Bắc	Tổng cộng
<b>Năm nay</b>			
<b>Doanh thu bộ phận</b>			
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	5.118.467.599.200	1.999.630.138.621	7.118.097.737.821
Các khoản giảm trừ doanh thu	(79.868.118.931)	(21.904.382.298)	(101.772.501.229)
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	1.636.370.141.577	201.996.000	1.636.572.137.577
	<b>6.674.969.621.846</b>	<b>1.977.927.752.323</b>	<b>8.652.897.374.169</b>
<i>Đối chiếu:</i>			
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận			(1.636.572.137.577)
Doanh thu trong năm			7.016.325.236.592
<b>Lợi nhuận bộ phận</b>	<b>583.949.923.620</b>	<b>66.309.145.392</b>	<b>650.259.069.012</b>
<i>Đối chiếu:</i>			
Lãi tiền gửi			139.881.165.264
Chi phí lãi vay			(157.276.630.519)
Hao mòn lợi thế thương mại			(72.224.993.882)
Lợi nhuận kế toán trước thuế			560.638.609.875
<b>Các thông tin bộ phận khác</b>			
Khấu hao và hao mòn	266.216.098.882	25.934.702.580	292.150.801.462
(Hoàn nhập) trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(465.827.022)	25.631.131.301	25.165.304.279
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.622.591.945)	(834.082.348)	(6.456.674.293)
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(444.313.950)	-	(444.313.950)
<b>Số cuối năm</b>			
<b>Tài sản bộ phận</b>	<b>12.892.464.655.456</b>	<b>838.129.597.218</b>	<b>13.730.594.252.674</b>
<i>Đối chiếu:</i>			
Phải thu nội bộ			(670.556.087.710)
Tài sản không phân bổ			(1.752.862.958.724)
Tổng tài sản			11.307.175.206.240
<b>Nợ phải trả bộ phận</b>	<b>3.833.242.031.221</b>	<b>327.108.785.735</b>	<b>4.160.350.816.956</b>
<i>Đối chiếu:</i>			
Phải trả nội bộ			(670.556.087.710)
Tổng nợ phải trả			3.489.794.729.246

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B09-DN/HN

### 31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau: (tiếp theo)

	VND		
	Khu vực miền Nam	Khu vực miền Bắc	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>			
<b>Doanh thu bộ phận</b>			
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	1.951.880.777.166	320.535.339.710	2.272.416.116.876
Các khoản giảm trừ doanh thu	(21.029.870.888)	(12.610.813.489)	(33.640.684.377)
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	303.446.150.897	67.272.727	303.513.423.624
	<b>2.234.297.057.175</b>	<b>307.991.798.948</b>	<b>2.542.288.856.123</b>
<i>Đối chiếu:</i>			
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận			(303.513.423.624)
Doanh thu trong năm			2.238.775.432.499
<b>Lợi nhuận bộ phận</b>	<b>1.529.285.713.256</b>	<b>(87.893.643.754)</b>	<b>1.441.392.069.502</b>
<i>Đối chiếu:</i>			
Lãi tiền gửi			104.419.054.812
Chi phí lãi vay			(38.641.296.719)
Phân bổ lợi thế thương mại			(1.265.111.909)
Lợi nhuận kế toán trước thuế			1.505.904.715.686
<b>Các thông tin bộ phận khác</b>			
Khấu hao và hao mòn	76.598.639.985	338.949.427	76.937.589.412
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(11.115.463.447)	(155.593.869)	(11.271.057.316)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	6.415.885.155	-	6.415.885.155
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	177.411.120	-	177.411.120
<b>Số cuối năm</b>			
<b>Tài sản bộ phận</b>	<b>8.975.481.112.018</b>	<b>10.596.451.699</b>	<b>8.986.077.563.717</b>
<i>Đối chiếu:</i>			
Phải thu nội bộ			(327.532.217.342)
Tài sản không phân bổ			709.156.591.630
Tổng tài sản			9.367.701.938.005
<b>Nợ phải trả bộ phận</b>	<b>2.859.070.679.339</b>	<b>327.678.405.888</b>	<b>3.186.749.085.227</b>
<i>Đối chiếu:</i>			
Phải trả nội bộ			(327.532.217.342)
Tổng nợ phải trả			2.859.216.867.885

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B09-DN/HN

### 32. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ:		
- Đô la Mỹ (USD)	8.962.232	68.249
- Nhân dân tệ (CNY)	13.055	23.200
- Euro (EUR)	1.462	2.710
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	11.029.828.811	11.029.828.811

### 33. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

  
**Trần Minh Nguyệt**  
Người lập  
Ngày 28 tháng 3 năm 2018

  
**Nguyễn Thị Oanh**  
Kế toán trưởng

  
**Trần Lệ Nguyên**  
Tổng Giám đốc





**KIDO GROUP**

138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. HCM

**T:** (08-28) 3827 0468 **F:** (08-28) 3827 0469 **E:** info@kdc.vn

[www.kdc.vn](http://www.kdc.vn)